

ĐỨC TIN VÀ MÊ TÍN

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CHỮ VIẾT TẮT	3
1. ĐỨC TIN	4
1.1. KHÁI NIỆM VỀ ĐỨC TIN	5
1.2. ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỨC TIN	7
1.2.1. Đối tượng mô thể	7
1.2.2. Đối tượng chất thể	7
1.2.2.1. Đối tượng trực tiếp	7
1.2.2.1.1. Chân lý đức tin thuộc Thiên Chúa	8
1.2.2.1.2. Chân lý đức tin thuộc Thiên Chúa và Giáo hội	8
1.2.2.2. Đối tượng gián tiếp	9
1.2.2.2.1. Kết luận thần học	10
1.2.2.2.2. Sự kiện tín lý	10
1.2.2.2.3. Kỷ luật chung của Giáo hội	10
1.2.2.2.4. Phê chuẩn hội dòng tận hiến và tu đoàn tông đồ	10
1.2.2.2.5. Phong thánh	11
1.3. LƯU TRUYỀN ĐỨC TIN	11
1.3.1. Huấn quyền	11
1.3.1.1. Liên quan đến hình thức công bố	11
1.3.1.1.1. Chủ thể	12
1.3.1.1.2. Cách thức	12
1.3.1.1.2.1. Huấn quyền thông thường	12
1.3.1.1.2.2. Huấn quyền ngoại thường	13
1.3.1.1.3. Tính chất	13
1.3.1.1.3.1. Công bố vô ngộ	13
1.3.1.1.3.2. Công bố xác thực	13
1.3.1.2. Liên quan đến nội dung công bố	13
1.3.1.2.1. Đặc điểm thần học	13

1.3.1.2.2.	Các mức độ của huấn quyền	13
1.3.1.2.2.1.	<i>Tín điều</i>	14
1.3.1.2.2.2.	<i>Những tuyên bố chung quyết bởi huấn quyền tối cao</i>	14
1.3.1.2.2.3.	<i>Giáo lý chính thức nhưng không dứt khoát bởi các giám mục hiệp thông với Đức Giáo hoàng hay bởi Giáo hoàng thi hành quyền giáo huấn thông thường</i>	15
1.3.1.2.2.4.	Huấn quyền can thiệp trong những trường hợp cụ thể	16
1.3.2.	Vô ngộ	16
1.3.2.1.	<i>In credendo</i>	16
1.3.2.2.	<i>In docendo</i>	17
1.3.2.2.1.	Đức Giáo hoàng	17
1.3.2.2.1.1.	<i>Chức vụ</i>	17
1.3.2.2.1.2.	<i>Cách thức</i>	17
1.3.2.2.1.3.	<i>Nội dung</i>	17
1.3.2.2.1.4.	<i>Người nhận</i>	17
1.3.2.2.2.	Giám mục đoàn	18
2.	MÊ TÍN	20
2.1.	KHÁI NIỆM VỀ MÊ TÍN	20
2.2.	GIÁO HỘI CẤM VIỆC MÊ TÍN	22
2.3.	CÁC LOẠI MÊ TÍN	24
2.3.1.	Tôn thờ Thiên Chúa sai cách	24
2.3.1.1.	<i>Tôn thờ sai lạc</i>	24
2.3.1.1.1.	Phương tiện giả dối	25
2.3.1.1.2.	Phương tiện bất xứng	25
2.3.1.1.3.	Phương tiện xấu tự bản chất	26
2.3.1.1.4.	Phương tiện hư vô	26
2.3.1.2.	<i>Những việc đạo đức hơi có tính ma thuật</i>	26
2.3.2.	Tôn thờ các thụ tạo	27
2.3.2.1.	<i>Kiên giữ cách vô lý</i>	28
2.3.2.1.1.	Kiên cách vô lý	28
2.3.2.1.2.	Giữ cách vô lý	28
2.3.2.2.	<i>Ngẫu tượng</i>	29
2.3.2.2.1.	Tôn thờ ngẫu thần	29
2.3.2.2.1.1.	<i>Ngẫu thần ngày xưa</i>	31
2.3.2.2.1.2.	<i>Ngẫu thần ngày nay</i>	31
2.3.2.2.2.	Thờ cúng tổ tiên	33
2.3.2.3.	<i>Bói toán</i>	36

2.3.2.3.1. Khái niệm	36
2.3.2.3.1.1. <i>Bói toán theo nghĩa hẹp</i>	36
2.3.2.3.1.2. <i>Bói toán theo nghĩa rộng</i>	38
2.3.2.3.2. Các hình thức bói toán	39
2.3.2.3.2.1. <i>Chiêm tinh</i>	39
2.3.2.3.2.2. <i>Que dò mạch</i>	40
2.3.2.3.2.3. <i>Giấc mơ</i>	40
2.3.2.3.2.4. <i>Rút thăm</i>	42
2.3.2.3.2.5. <i>Những hình thức bói toán khác</i>	42
2.3.2.4. <i>Ma thuật và phù thủy</i>	43
2.3.2.5. <i>Thôi miên</i>	44
2.3.2.6. <i>Chiêu hồn và thần thông</i>	45
2.4. ĐỊNH HƯỚNG MỤC VỤ	47
3. MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỨC TIN VÀ MÊ TÍN	48
THƯ MỤC	50
1. TÀI LIỆU GIÁO PHỤ VÀ GIÁO HỘI	50
2. SÁCH THAM KHẢO	51
3. BÁO CHÍ	52
4. INTERNET	52

CHỮ VIẾT TẮT

AAS	:	<i>Acta Apostolicae Sedis. Commentarium Officiale.</i>
DV	:	CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến chế <i>Dei Verbum</i> (18/11/1965).
DZ	:	DENZINGER HEINRICH, <i>Enchiridion Symbolorum. Definitionum et declarationum de rebus fidei et morum</i> , Edizioni Dehoniane Bologna – EDB 2009 ^{40a} .
GL	:	<i>Giáo luật 1983</i> , Nhà Xuất bản Tôn Giáo – Hà Nội 2006.
GLCG	:	<i>Giáo lý Hội thánh Công giáo</i> , Nhà Xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1997.
LG	:	CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến chế <i>Lumen Gentium</i> (21/11/1964).
NA	:	CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Tuyên ngôn <i>Nostra Aetate</i> (28/10/1965).
OR	:	<i>L'Osservatore Romano</i> .
PL	:	MIGNE J.P. (a cura di), <i>Patrologiae cursus completus...</i> Series latina, Parigi 1844-1864.
SC	:	CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến chế <i>Sacrosanctum Concilium</i> (04/12/1963).

Đức tin và mê tín là một đề tài mà rất nhiều người quan tâm cả trong thời xưa và cả trong xã hội hiện đại. Nhiều hiện tượng xem ra người tín hữu rất thành kính trong việc thể hiện đức tin, nhưng nếu xét cho kỹ, nó có nhuộm màu về mê tín với những mức độ nặng nhẹ khác nhau. Đức tin là một ân ban, trong khi đó, mê tín là một tội cần phải lên án và loại bỏ. Trong đời sống người kitô hữu, chúng ta luôn được dạy rằng, hãy cố gắng để đạt được đức tin trưởng thành và cố gắng loại trừ mê tín.

Người ta dễ lầm lẫn giữa đức tin và mê tín, nhiều người lầm tưởng mê tín là tội nghịch với đức tin, thật ra không phải vậy, đức tin là một nhân đức đối thần và tội nghịch với đức tin là *hoài nghi, vô tín, lạc giáo, bội giáo* và *ly giáo*. *Hoài nghi* có thể là cố tình hay vô tình; cố tình hoài nghi là xem thường hay không nhìn nhận là chân thật những điều Thiên Chúa mạc khải và Hội thánh dạy phải tin; vô tình hoài nghi là do dự không tin, không cố gắng vượt qua những vấn nạn đức tin hay khủng hoảng trước bóng tối đức tin¹. *Vô tín* là khinh thường chân lý mạc khải hay cố tình từ chối không tin. *Lạc giáo* là khi người tín hữu đã chịu phép rửa tội lại ngoan cố phủ nhận hay nghi ngờ một chân lý phải tin nhận, theo đức tin đối thần và Công giáo. *Bội giáo* là chối bỏ toàn bộ đức tin Kitô giáo. *Ly giáo* là từ chối từng phục Đức Giáo hoàng hay từ chối hiệp thông với các phần tử Hội thánh đang phục quyền Người².

Trong khi đó, mê tín là tội nghịch với điều răn thứ nhất, nói cách khác đó là tội xúc phạm đến đức thờ phượng³.

Tuy nhiên chúng ta xét ở đây thành một cặp là vì chúng có liên hệ chặt chẽ với nhau, và khó phân biệt ranh giới giữa chúng. Người ta cũng tự đặt câu hỏi: đâu là giới hạn giữa đức tin và mê tín. Nói cách khác, tin như thế nào để khỏi rơi vào mê tín và mê tín đến mức độ nào thì mới cấu thành tội. Đó là điều mà chúng ta sẽ minh giải trong bài viết này.

Để làm được điều đó, bài viết này sẽ được chia thành ba phần:

- Đức tin
- Mê tín
- Mối quan hệ giữa đức tin và mê tín

1. ĐỨC TIN

¹ Cfr. GLCG 2088.

² Cfr. GLCG 2089.

³ Cfr. GLCG 2110.

Ở đây không trình bày chuyên sâu một nền thần học về đức tin, như không trình bày về mạc khải của Thiên Chúa và sự đáp trả mạc khải của con người, hay cũng không trình bày về các bản phận của đức tin mà người tín hữu phải có, mà chỉ tìm hiểu một số đề mục liên quan gần với kho tàng đức tin.

Cụ thể, trong phần này chúng ta sẽ tìm hiểu về *khái niệm, đối tượng và lưu truyền đức tin*.

1.1. KHÁI NIỆM VỀ ĐỨC TIN

Sách *Giáo lý Hội thánh Công giáo* định nghĩa rằng: «*Tin là một hành vi của trí khôn chấp nhận chân lý mạc khải theo lệnh của ý chí được ân sủng Thiên Chúa tác động*»⁴.

«Đức tin là một trong ba nhân đức Đối Thần, được ban cho tín hữu khi họ lãnh Bí tích Thánh Tẩy. Đức tin chỉ hồng ân siêu nhiên được ban cho tín hữu, để họ gắn bó trọn vẹn và tự do với Thiên Chúa (*fides qua*), và đón nhận những chân lý do Ngài mạc khải (*fides quae*) trong Đức Giêsu Kitô»⁵⁶.

Đức tin có nhiều nghĩa⁷. Nó có nghĩa là *tín nhiệm, phó thác, trung thành, chung thủy*.

«*Tôi tin anh*» nghĩa là tôi phó thác vào anh, tôi tin chắc rằng anh sẽ nói sự thật cho tôi. «*Tôi tin những gì anh nói*» nghĩa là tôi tin chắc nội dung lời anh nói sẽ phù hợp với thực tế.

«*Tin*» là đón nhận những gì được nói như là chân lý và những lời đó phù hợp với thực tế, đồng thời cũng nhờ sự đáng tin của người nói.

Bằng cách nói «*tôi tin*», chúng ta đồng thời diễn tả hai điểm quy chiếu: đến người nói và đến chân lý; đến chân lý để đáp lại người mà ta muốn tin⁸.

Người ta có thể tin những gì người khác nói hoặc vì những bằng chứng do người nói cung cấp hoặc vì uy tín của người nói. Trong trường hợp thứ nhất, người ta tin vào kiến thức riêng của người nói và không đề cao người nói. Trong trường hợp thứ hai, người ta tin vào uy tín của người nói, không có bằng chứng hay ít chứng cứ trong những gì người đó nói. Ở đây người ta tin không chỉ tin vào kiến thức riêng của người nói, nhưng còn là tin vào người làm chứng, và đề cao người nói. Chúa Giêsu nói với Tôma rằng: «*phúc cho những ai không thấy mà tin*» (Ga 20,29).

Nói chung đức tin siêu nhiên là tin vào Lời Chúa. Theo Công đồng Vaticanô II, đức tin là sự vâng phục bằng cách phó thác mình cho Thiên Chúa, quy phục trọn vẹn cả lý trí và ý chí cho Thiên Chúa là Đấng mạc khải và tự nguyện ưng thuận những chân lý mạc khải Ngài ban⁹.

⁴ GLCG 155.

⁵ Cfr. DV 5.

⁶ BAN TỪ VỰNG CÔNG GIÁO, THUỘC ỦY BAN GIÁO LÝ ĐỨC TIN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM, «Đức tin»: *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nhà xuất bản Tôn giáo 2011¹, 120.

⁷ Cfr. MAURICE BLONDEL, «Retrieving the Tradition. What is Faith?»: *Communio* XIV (1987) 162-174.

⁸ Theo hữu thể học, chân lý là sự tương hợp của mọi sự vật tồn tại với hình mẫu trong tâm trí của Đấng Sáng tạo. Theo nghĩa này, mọi vật là thật và mọi hữu thể có lý trí đều là tự do. Theo logic học, chân lý là sự tương hợp với khái niệm tinh thần của thực tế.

⁹ Cfr. DV 5.

«Đấng mặc khải, con người phải bày tỏ “*sự vâng phục bằng đức tin*” (Rm 16,26; cfr. Rm 1,5; 2Cr 10,5-6)»¹⁰. «Với lời khẳng định vắn gọn nhưng súc tích ấy, chân lý nền tảng của Kitô giáo được giải bày. Trước hết Công Đồng nói, đức tin là lời đáp tuân phục Thiên Chúa. Điều đó ngầm chứa việc nhìn nhận Người trong Thiên Chúa tính, trong sự siêu việt và trong sự tự do tuyệt đối của Người. Thiên Chúa tỏ mình ra cho ta biết, thì với thế giá siêu việt tuyệt đối của mình cũng cung cấp những lý do khả tín về những điều Người mặc khải. Nhờ đức tin, con người chấp nhận chứng tá của Thiên Chúa. Điều đó nghĩa là con người thừa nhận một cách đầy đủ và trọn vẹn chân lý của những điều được mặc khải, vì chính Thiên Chúa bảo đảm cho chân lý ấy. Chân lý này được ban cho con người, tuy con người không có quyền đòi hỏi, được ghi vào khung cảnh của sự hiệp thông liên vị, kích thích lý trí cởi mở đối với chân lý ấy, và đón nhận ý nghĩa thâm sâu của nó. Vì thế hành vi mà con người hiến mình cho Thiên Chúa luôn luôn được Giáo Hội công nhận như một giây phút lựa chọn nền tảng, cam kết toàn thể nhân vị. Trí khôn và ý muốn sử dụng tối đa bản tính thiêng liêng, giúp chủ thể hoàn thành một hành vi, trong đó sự tự do nhân bản được vận dụng đầy đủ»¹¹»¹².

Đức tin liên quan đến những thực tại vô hình đằng sau kinh nghiệm giác quan, và vượt quá giới hạn của lý trí con người: «*đức tin là bảo đảm cho những điều ta hy vọng, là bằng chứng cho những điều ta không thấy*» (Dt 11,1). Như thánh Phaolô nói, nó sẽ quy về «*điều mắt chẳng hề thấy, tai chẳng hề nghe, lòng người không hề nghĩ tới, đó lại là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai yêu mến Người*» (1Cr 2,9).

Chúng ta cũng có thể nói về đức tin như một *hành động* và đức tin như một *thói quen*.

Đức tin như một hành động là khẳng định vững chắc của lý trí bằng lệnh truyền của ý chí và bằng sự trợ giúp của ân sủng, đem chân lý được Thiên Chúa mặc khải áp dụng vào cuộc sống, vì Ngài không bao giờ lừa dối ai và cũng không bị ai lừa dối.

Đức tin như một thói quen là một nhân đức đối thần được Thiên Chúa thông ban cho những người sẵn sàng đón nhận cách chắc chắn những chân lý được Thiên Chúa mặc khải, vì Ngài không bao giờ lừa dối ai và cũng không bị ai lừa dối.

Mệnh đề «*vì Ngài không bao giờ lừa dối ai và cũng không bị ai lừa dối*» có nghĩa rằng chúng ta đón nhận Lời Ngài khi ngài hứa gìn giữ tương lai chúng ta. Chúng ta tin tưởng nơi Ngài, phó thác bản thân cho Ngài. Sự phó thác này là nguyên nhân của sự ứng thuận các chân lý được Thiên Chúa mặc khải.

Đức tin có thể là *minh thị* hay *ám tàng*. Tin là *minh thị* là khi sử dụng ý chí để tin nhận một đối tượng được xem cách rõ ràng trong chính nó, ví dụ người ta tin vào tín lý về Nhập thể. Tin *ám tàng* là khi sử dụng ý chí để tin nhận một đối tượng như nó được bao hàm trong một đối tượng khác cách rõ ràng, ví dụ người ta tin vào tất cả những điều Hội thánh dạy.

Đức tin hành động và thói quen có thể được *thành hình* hay *chưa thành hình*. Đức tin *thành hình* (*đức tin sống*) là đức tin của một người trong trạng thái ân sủng. Đó là đức tin được chuyển thành các hành động (cfr. Gc 2,17), và hành động nhờ đức ái (cfr. Gl 5,6). Đó là

¹⁰ DV 5.

¹¹ Cfr. DZ 3008.

¹² GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp *Fides et Ratio* (14/09/1998), số 13: AAS 91 (1999)15-16.

đức tin đưa đến lòng sùng kính (*cfr. Tt 1,1*), đưa đến những công việc kỳ diệu (*cfr. Ga 14,12*), phát sinh niềm vui, bình an và hy vọng (*cfr. Rm 15,13*). Đức tin *chưa thành hình* (*đức tin chết*) là đức tin của người mắc tội trọng¹³. Tuy nhiên, ân sủng Thiên Chúa được ban cho con người, cần thiết phải có sự ưng thuận của con người đối với sứ điệp Tin mừng. Công đồng Vaticanô I dạy rằng:

«Không ai ưng thuận sứ điệp Phúc âm, như là sự cần thiết để đạt đến ơn cứu độ, mà không có sự soi sáng và cảm hứng của Thánh Thần, Đấng ban niềm vui trong việc ưng thuận và tin chân lý. Bởi đó tự đức tin, cả khi không hành động vì đức ái, là một quà tặng của Thiên Chúa và hành động đức tin là một hành động liên quan đến ơn cứu độ, bằng cách con người tự do tuân phục Thiên Chúa bằng cách ưng thuận và cộng tác với ân sủng»¹⁴.

1.2. ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỨC TIN

Đối tượng hay còn gọi là nội dung đức tin. Đức tin có hai đối tượng là *đối tượng mô thể* và *đối tượng chất thể*¹⁵.

1.2.1. Đối tượng mô thể

Đối tượng mô thể của đức tin là chân lý Thiên Chúa, nghĩa là tính đáng tin của Thiên Chúa. Điều này chúng ta không còn bàn cãi vì Chúa là Đấng chân lý: «*Thầy là đường, là sự thật và là sự sống*» (*Ga 14,6*) và Ngài không bao giờ lừa dối ai.

1.2.2. Đối tượng chất thể

Đối tượng chất thể của đức tin là *toàn bộ chân lý mạc khải*. Đối tượng chất thể chính yếu là Thiên Chúa, Ngài tự mạc khải nơi Chúa Giêsu Kitô. Đối tượng này bao gồm các chân lý đức tin thuộc Thiên Chúa, nghĩa là những chân lý đó gồm chứa cách chính thức trong các nguồn mạc khải. Đối tượng chất thể thứ hai là tất cả những điều khác gắn liền với đức tin bởi nguyên nhân của đối tượng chính.

Đối tượng chất thể của đức tin có thể được chia thành: *đối tượng trực tiếp* và *đối tượng gián tiếp*.

1.2.2.1. Đối tượng trực tiếp

Đối tượng trực tiếp của đức tin có hai loại:

Đối tượng thứ nhất là những *chân lý đức tin thuộc Thiên Chúa*, nghĩa là toàn bộ nội dung đức tin có ý nghĩa cho ơn cứu độ. Đối tượng thứ hai là những *chân lý đức tin thuộc Thiên Chúa và Giáo hội*, nghĩa là nội dung cơ bản của đức tin mạc khải và hướng dẫn cơ bản của Giáo hội cho đời sống kitô hữu. Nội dung này có thể được chứa đựng cách minh thị hoặc ám tàng, nghĩa là trong các hình ảnh, dụ ngôn trong mạc khải.

¹³ Đức tin không mất bởi mọi tội trọng, nhưng chỉ bởi tội trọng mà trực tiếp chống lại đức tin mà thôi. Ví dụ tội vô tín, lạc giáo, bội giáo, ly giáo... (*cfr. GLCG 2089*) (*cfr. THOMAS PAZHAYAMPALLIL (SDB), Pastoral Guide, Vol. I: Fundamental moral theology and virtues, Rekha Printers Private Limited, New Delhi 2004*⁴, số 213).

¹⁴ DZ 3010.

¹⁵ *Cfr. THOMAS D'AQUINO, Summa theologiae, II-II,1,1.*

1.2.2.1.1. Chân lý đức tin thuộc Thiên Chúa

Chúng là những chân lý được Thiên Chúa mạc khải, ví dụ: chân lý về Chúa Giêsu Kitô được sinh ra bởi cha mẹ người Do Thái; chân lý về những người gian dân, thờ ngẫu tượng, ngoại tình... sẽ không được thừa hưởng Nước Trời (*cfr. 1Cr 6,9-10*); chân lý về Chúa Giêsu Kitô là Đấng Messia; hôn nhân không thể được kết hợp bởi những người đồng giới. Giáo hội luôn dạy rằng mạc khải Thiên Chúa được hoàn thành nơi Chúa Giêsu Kitô, Đấng hoàn thành mạc khải đó, và «*không phải chờ đợi một mạc khải công khai mới nào khác nữa trước ngày Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng ta tỏ mình ra trong vinh quang (cfr. 1Tm 6,14; Tt 2,13)*»¹⁶.

«Theo dòng lịch sử, có những điều gọi là “mạc khải tư”, một số được thẩm quyền Hội thánh công nhận. Tuy vậy, những mạc khải đó không thuộc kho tàng đức tin. Vai trò của chúng không phải là “cải thiện” hoặc “bổ sung” mạc khải tối hậu của Đức Kitô, mà để giúp người ta sống mạc khải cách trọn vẹn hơn vào thời điểm lịch sử. Được huấn quyền Hội thánh hướng dẫn, người tín hữu nhờ cảm thức đức tin sẽ biết nhận định và tiếp thu trong các mạc khải đó, những gì là lời mời gọi đích thực của Đức Kitô hoặc của các thánh gửi đến cho dân Ngài.

Theo đức tin Kitô giáo không có mạc khải nào được coi là vượt cao hơn hay sửa đổi mạc khải được hoàn tất trong Đức Kitô»¹⁷.

Đức Thánh cha Gioan Phaolô II đã nói:

«Giáo hội đánh giá và xét đoán mạc khải tư bằng tiêu chuẩn hợp với mạc khải công. Nếu Giáo hội đã chấp nhận sứ điệp Fatima (*mạc khải tư*) trước hết là vì sứ điệp đó bao gồm một chân lý và một lời mời gọi mà nội dung là chân lý và lời mời gọi của chính Phúc âm»¹⁸.

Nếu người nào đó chắc chắn rằng mình đã nhận được một mạc khải tư, người đó bị ràng buộc tin vào chân lý bằng đức tin thuộc Thiên Chúa. Những người khác không bị ràng buộc tin vào chân lý đó. Tuy nhiên họ có thể mắc tội coi thường không tin vào mạc khải tư mà được Giáo hội chấp nhận. Ví dụ việc Đức mẹ hiện ra ở Lộ Đức và Fatima. Điều chúng ta công nhận về mạc khải tư không phải là đức tin thuộc Thiên Chúa. Theo giáo huấn của Đức thánh cha Bênêđictô XIV, nó là một sự chuẩn nhận của đức tin thuộc con người¹⁹.

1.2.2.1.2. Chân lý đức tin thuộc Thiên Chúa và Giáo hội

Đó là những chân lý bao gồm trong Kinh thánh hay truyền thống, nơi mà Giáo hội đưa ra cho các tín hữu như là những chân lý được Thiên Chúa mạc khải, ví dụ tín lý về Đức Mẹ Hồn xác lên trời. Giáo hội được ơn vô ngộ khi công bố những chân lý này. Ôn vô ngộ được ban cho Giáo hội nhờ Đức Kitô để bảo vệ và giải thích kho tàng mạc khải Thiên Chúa. Những chân lý mạc khải Thiên Chúa này hình thành nên đối tượng chính yếu của vô ngộ. Những chân lý đức tin thuộc Thiên Chúa không thể gia tăng. Mạc khải công được hoàn thành

¹⁶ DV 4.

¹⁷ GLCG 67.

¹⁸ GIOAN PHAOLO II, Bài giảng tại *Mass in the Sanctuary of Our Lady of the Rosary* (13/05/1982), số 6: www.piercedhearts.org/hearts_jesus_mary/appearitions/fatima/homily_jpii_may_13_1982.html.

¹⁹ Cfr. GUSTAVE THILS, *Christian Holiness*, Allahabad 1963, 560; cfr. JOHN A. MCHUGH AND CHARLES J. CALLEN, *Moral Theology*, vol. I, London 1958, 285.

với cái chết của vị tông đồ cuối cùng. Nhưng những chân lý đức tin thuộc Thiên Chúa và Giáo hội có thể gia tăng.

Sự ứng thuận của chúng ta về các chân lý trước hết là «*thuộc Thiên Chúa*» vì đó là sự đáp trả tới Ngôi lời Thiên Chúa. Hơn nữa, nó còn là «*thuộc Công giáo*» vì nó được thẩm quyền tối cao của Giáo hội dạy cách rõ ràng như là điều được Thiên Chúa mạc khải, và giờ đây nó là một điều khoản của đức tin quy phạm của Giáo hội Công giáo²⁰.

1.2.2.2. Đối tượng gián tiếp

Đối tượng gián tiếp là những chân lý cần thiết hay trợ giúp hoặc bảo tồn mạc khải. Theo giáo lý Công giáo, ơn vô ngộ của quyền giáo huấn của Giáo hội trải rộng không chỉ đến kho tàng đức tin nhưng còn tới những vấn đề được Giáo hội bảo vệ và giải thích. Công đồng Vaticanô II nói rằng:

«Ơn bất khả ngộ mà Chúa Cứu Thế đã muốn ban cho Giáo hội của Người khi xác định giáo thuyết về đức tin và phong hóa, trải rộng đến tất cả những gì có trong kho tàng mạc khải thần linh mà Giáo hội phải bảo toàn cách cẩn trọng và phải trình bày cách trung thành»²¹.

Đoạn trích dẫn này của Công đồng Vaticanô II không có nghĩa là Giáo hội có thể nói về ơn vô ngộ chỉ khi đưa ra những chân lý để tin như là những mạc khải thần linh. Bản văn trước là «*kiểm soát về đức tin được mạc khải*». Ủy ban thần học đã thay đổi ở bản văn này là «*xác định giáo thuyết về đức tin và phong hóa*». Từ việc sửa sai quan trọng này dẫn tới bản văn. Chúng ta biết rằng, đó không phải là ý định của ủy ban thần học để giới hạn đối tượng giáo thuyết về vô ngộ đến những gì bao gồm cách chính thức trong kho tàng mạc khải Thiên Chúa. Giáo thuyết chung của các nhà thần học là có những vấn đề về đức tin và luân lý không bao gồm cách chính thức trong kho tàng mạc khải, tuy nhiên nó liên kết chặt chẽ đến nỗi chúng hình thành nên đối tượng thứ hai nếu Giáo hội được ơn vô ngộ²².

Rồi chúng ta nói về các chân lý ít rõ ràng nhất không bao gồm trong những nguồn mạc khải công, đó là Kinh thánh và truyền thống, nhưng những chân lý liên kết cách chặt chẽ với những chân lý đức tin, đến nỗi mạc khải tự nó sẽ nghèo đi nếu không có một phán quyết chắc chắn tuyệt đối có thể làm cho chúng. Những chân lý này hình thành nên đối tượng thứ hai của ơn vô ngộ Giáo hội.

Những chân lý này có²³: *những kết luận thần học; những sự kiện tín lý; kỷ luật chung của Giáo hội; phê chuẩn hội dòng tận hiến và tu đoàn tông đồ; và phong thánh.*

²⁰ Cfr. FRANCIS A. SULLIVAN, «Some observations on the New Formula for the Profession of Faith»: *Gregorianum* 70 (1989) 551.

²¹ LG 25; cfr. BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Tuyên ngôn *Mysterium Ecclesiae* (24/06/1973), số 2: AAS 65 (1973) 398-400.

²² Cfr. FRANCIS A. SULLIVAN, «On the infallibility of the Episcopal College in the ordinary exercise of its teaching office»: *Acta Congressus Internationalis de theologia Concilii Vaticani II*, Romae 1966, 190.

²³ Ơn vô ngộ là: Giáo hội được ơn vô ngộ khi dạy chân lý về đức tin thuộc Thiên Chúa. Nó chỉ là điều chắc chắn thần học hay giáo thuyết chung của các nhà thần học là Giáo hội được ơn vô ngộ khi công bố một chân lý theo đối tượng thứ hai của đức tin.

1.2.2.2.1. Kết luận thần học

Kết luận thần học là một chân lý khởi đi từ những suy luận rời rạc được diễn dịch cách chắc chắn dựa trên hai tiền đề, mà một trong hai tiền đề đó được mạc khải chính thức, tiền đề khác được nhận biết với tính xác thực tự nhiên. Ví dụ: bí tích Hòa giải là một hành động xét xử²⁴ (*chân lý mạc khải*). Nhưng bản chất và lý do của hành động xét xử này đòi hỏi người tuyên án chỉ tuyên án trên chủ thể của người đó (*chân lý tự nhiên*). Do đó, bí tích hòa giải được ban cho người mà người đó là chủ thể của người ban, nghĩa là người ban xét xử người được ban (*kết luận thần học*). Chúng ta lấy ví dụ khác: mạc khải nói với chúng ta rằng, Chúa Kitô là con người thật (*cf. Pl 2,7*)²⁵, trong khi đó, lý trí chứng minh rằng con người gồm thể xác và linh hồn. Vậy kết luận thần học nói rằng, Chúa Kitô có một thể xác con người và linh hồn con người.

Như tất cả những tuyên bố chung cuộc, kết luận thần học cũng được ban hành bởi huấn quyền tối cao²⁶.

1.2.2.2.2. Sự kiện tín lý

Sự kiện tín lý là một sự kiện được thu nhận dựa trên kiến thức hay tính xác thực của tín lý hay chân lý mạc khải. Chúng ta có thể lấy ví dụ: Đức Giáo hoàng Piô XII được bầu làm Giáo hoàng vào năm 1939. Sự kiện này là một sự kiện lịch sử chắc chắn. Ngài là một Giáo hoàng hợp pháp, rồi sau đó ngài thực hiện huấn quyền vô ngộ vào năm 1950 khi định tín Đức Maria hồn xác lên trời. Đối tượng đầu tiên của huấn quyền là chân lý mạc khải về Đức Maria hồn xác lên trời. Trong điểm tín lý này bao gồm sự kiện rằng Đức Giáo hoàng Piô XII là một giáo hoàng hợp pháp. Đây là đối tượng thứ hai của đức tin. Những điều trước đây chỉ là sự kiện lịch sử trở thành một sự kiện tín lý, một sự kiện tín lý phải tin. Đó là vô ngộ.

1.2.2.2.3. Kỷ luật chung của Giáo hội

Thuật ngữ «*kỷ luật chung*» của Giáo hội được hiểu là những luật được ban cho Giáo hội hoàn vũ nhằm hướng dẫn việc thờ phượng và đời sống kitô hữu. Trong những luật này, Giáo hội đưa ra hai phán đoán: (1) Những luật này không được chống lại đức tin và luân lý (*phán đoán giáo lý*); (2) Những luật này phải thích hợp cho đời sống kitô hữu (*phán đoán thận trọng*). Chúng ta có thể nói rằng, có những trường hợp Giáo hội đã hơi vội vàng và thiếu thận trọng trong việc ban hành luật. Tuy nhiên, ơn vô ngộ liên quan đến phán đoán thứ nhất (*phán đoán giáo lý*) vẫn được bảo toàn, nghĩa là Giáo hội không ban hành một luật nào chống lại đức tin và luân lý.

Một người công giáo thành tín luôn tin rằng Giáo hội được Chúa Thánh Thần hướng dẫn ngay cả trong những vấn đề liên quan đến kỷ luật của Giáo hội. Ví dụ, chắc chắn có sự hướng dẫn của Chúa Thánh Thần liên quan đến kỷ luật về độc thân linh mục.

1.2.2.2.4. Phê chuẩn hội dòng tận hiến và tu đoàn tông đồ

Người ta có thể chắc chắn rằng, các tu sĩ thuộc hội dòng tận hiến và tu đoàn tông đồ sẽ đạt được ơn cứu độ vĩnh cửu bằng cách tuân giữ luật dòng được Giáo hội phê chuẩn.

²⁴ Cfr. CÔNG ĐỒNG TARENTO, *Canoni sul sacramento delle penitenza*, số 9: DZ 1709.

²⁵ Cfr. CÔNG ĐỒNG ÊPHÊSÔ, *L'incarnazione del Figlio di Dio* (431): DZ 250.

²⁶ Cfr. THOMAS PAZHAYAMPALLIL (SDB), *Pastoral Guide*, Vol. I: Fundamental moral theology and virtues, Rekha Printers Private Limited, New Delhi 2004⁴, số 230.

1.2.2.2.5. Phong thánh

Chúng ta tin chắc rằng, Giáo hội phong các thánh ở trên trời và tôn vinh các ngài là người ta tôn vinh chính Thiên Chúa²⁷. Sẽ không có trường hợp Giáo hội phong một vị thánh mà vị thánh đó chưa ở trên trời.

Nói chung, chúng ta có thể nói rằng, Chúa Giêsu hứa ban Thần Chân lý cho các tông đồ:

«Nếu anh em yêu mến Thầy, anh em sẽ giữ các điều răn của Thầy. Thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi. Đó là Thần Khí sự thật, Đấng mà thế gian không thể đón nhận, vì thế gian không thấy và cũng chẳng biết Người. Còn anh em biết Người, vì Người luôn ở giữa anh em và ở trong anh em» (Ga 14,15-17).

Chân lý nghĩa là toàn bộ lãnh vực sự thật. «Khi nào Thần khí sự thật đến, Người sẽ dẫn anh em tới sự thật toàn vẹn» (Ga 16,13). Giáo hội là cột trụ và hướng dẫn chân lý (cfr. 1Tm 3,15). Nếu Giáo hội sai lầm liên quan đến những vấn đề đức tin và luân lý, Giáo hội sẽ thất bại trong sứ mạng dẫn đưa người tín hữu đến ơn cứu độ vĩnh cửu. Điều này chắc chắn không thể xảy ra vì Chúa Kitô hứa ở cùng Giáo hội cho đến tận thế (cfr. Mt 28,20).

1.3. LƯU TRUYỀN ĐỨC TIN

Để đức tin được gìn giữ và chuyển giao cho thế hệ kế tiếp, cần phải bảo toàn đức tin nguyên vẹn. Giáo hội được Thiên Chúa ủy thác nhiệm vụ này, Chúa Thánh Thần hoạt động nơi Giáo hội thông qua lời giáo huấn của các vị mục tử trong Hội thánh.

Ở đây chúng ta chỉ tìm hiểu hai lãnh vực quan trọng mà nhiều người quan tâm là: *quyền giáo huấn của Giáo hội (huấn quyền)* và một cách đặc biệt hơn, *vô ngộ*, tức là sự bất khả ngộ của Hội thánh. Tuy nhiên, chúng ta cũng bỏ qua việc nghiên cứu về nền tảng kinh thánh, Giáo phụ, truyền thống... nói về huấn quyền và vô ngộ, mà chỉ đề cập đến những nét chính mà thôi.

1.3.1. Huấn quyền

Giáo hội được Thiên Chúa tuyển chọn để công bố sự thật về Thiên Chúa. Giáo hội được Thiên Chúa sai đi rao giảng cho muôn dân về sự thật đó. Vì thế, huấn quyền Giáo hội cần có để Giáo huấn của Chúa Kitô không bị sai lạc và bị bóp méo.

«Huấn quyền Giáo hội nghĩa là Giáo hội có quyền trên mọi cấu trúc của mình, Giáo hội có nhiệm vụ gìn giữ, truyền lại và giải thích những yếu tố đức tin, khi cần, trong một cách bất buộc chung cuộc»²⁸.

Chúng ta có thể nhận ra rằng Huấn quyền của Giáo hội như một yếu tố kết hợp và quyền giải thích truyền thống.

Chúng ta tìm hiểu quyền giáo huấn của Giáo hội *liên quan đến hình thức công bố và nội dung công bố*.

1.3.1.1. Liên quan đến hình thức công bố

²⁷ Cfr. PIETRO PARENTE, *Theologia fundamentalis*, Marietti 1955, 303.

²⁸ WOLFGANG BEINERT, «Ecclesial Magisterium»: WOLFGANG BEINERT AND FRANCIS SCHUSSLER FIORENZA, *Handbook of Catholic Theology*, The Crossroad Publishing Company, New York 2000, 194.

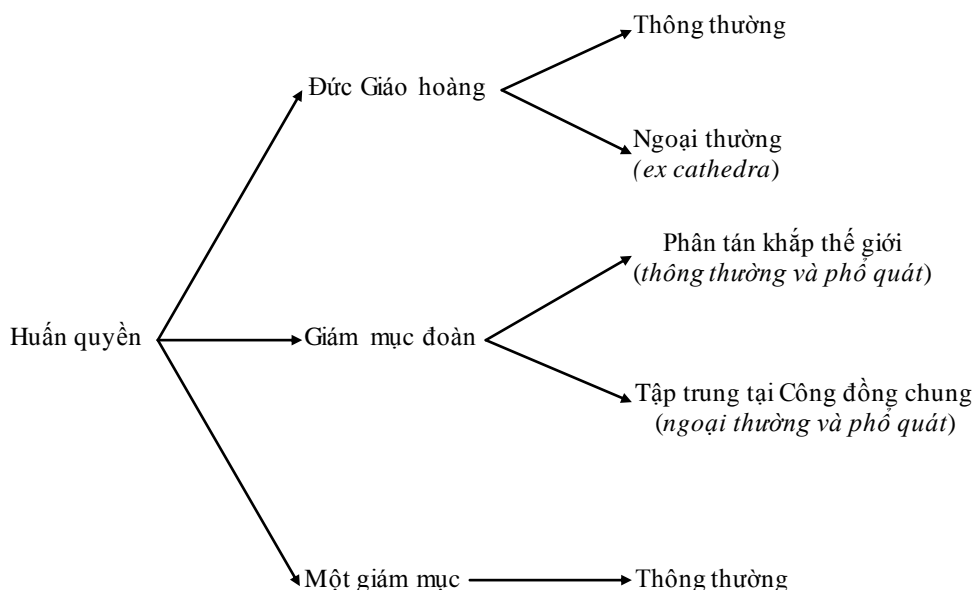
Liên quan đến hình thức công bố, ta sẽ tìm hiểu về *chủ thể*, *cách thức* và *tính chất* của huấn quyền.

1.3.1.1.1. Chủ thể

Chúng ta có thể tóm tắt chủ thể quyền Giáo huấn của Giáo hội qua bảng sau đây:

Chủ thể	Huấn quyền	Công bố
Từng giám mục	Thông thường	Có thể sai lầm
Toàn thể giám mục hiệp nhất với Đức thánh cha	Thông thường và phổ quát	Không thể sai lầm
Các giám mục nhóm họp với Đức thánh cha tại công đồng chung hay phổ quát	Ngoại thường và phổ quát	Không thể sai lầm
Đức Giáo hoàng Rôma	Thông thường	Có thể sai lầm
	Ngoại thường (<i>Ex cathedra</i>)	Không thể sai lầm

Có thể diễn tả bảng huấn quyền trên bằng sơ đồ sau:



1.3.1.1.2. Cách thức

Có hai cách thức của huấn quyền: *huấn quyền thông thường* và *huấn quyền ngoại thường*.

1.3.1.1.2.1. Huấn quyền thông thường

Huấn quyền thông thường là những công bố (*bài giảng, giáo lý, thư mục vụ...*) của giám mục trong giáo phận ngài, của Hội đồng Giám mục, của tất cả các giám mục ngoài Công đồng phổ quát, hay của Đức Giáo hoàng khi ngài không tuyên bố *ex cathedra*.

1.3.1.1.2.2. Huấn quyền ngoại thường

Đó là những định tín tại công đồng phổ quát, hay khi Đức Giáo hoàng tuyên bố *ex cathedra*.

1.3.1.1.3. Tính chất

Huấn quyền được công bố cách *vô ngộ* hoặc cách *xác thực*.

1.3.1.1.3.1. Công bố vô ngộ

Huấn quyền công bố cách vô ngộ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau đây:

- Giáo huấn được thực hiện hoặc bởi tập đoàn các giám mục hiệp nhất với Đức thánh cha trong hình thức thông thường hay ngoại thường hoặc bởi chỉ mình Đức Thánh cha *ex cathedra* (trong việc thực hiện chức năng của mình như là thầy dạy tối cao với việc trói buộc cách chung cuộc các tín hữu trong vấn đề đức tin và luân lý).
- Có ý định công bố một giáo thuyết vô ngộ.

1.3.1.1.3.2. Công bố xác thực

Huấn quyền nói cách xác thực khi nói trong sự ràng buộc và với quyền bính nhưng không tuyên bố về vô ngộ. Lý trí được ban cho để con người tuân phục những phán quyết đó, bởi lẽ *tự quyền bính không tạo ra chân lý*. Về nguyên tắc, những trình bày như thế có thể xét lại được. Ý nghĩa của chúng dựa trên tầm quan trọng của đời sống Giáo hội, trên tác giả, trên những người nhận (*một nhóm cá nhân, toàn thể Giáo hội*) và trên những môi trường đương thời (*sự bảo vệ để chống lại một khuynh hướng nào đó*).

1.3.1.2. Liên quan đến nội dung công bố

Liên quan đến nội dung công bố, chúng ta sẽ tìm hiểu về *đặc điểm thần học* và các *mức độ huấn quyền* của nội dung được công bố.

1.3.1.2.1. Đặc điểm thần học

- *Nền tảng*: Kinh thánh như sự giải thích truyền thống.
- *Nội dung*: những công bố chính xác và cụ thể hơn chính là những nội dung công bố được chứa đựng trong mạc khải.
- *Hình thức*: tuyên xưng đức tin. Có thể xem các công thức «*credimus, profiteremur, confitemur*» («*chúng tôi tin, chúng tôi công bố, chúng tôi tuyên xưng*»).
- *Sự khẳng định*: có thẩm quyền, nếu cần thiết như quyết định cuối cùng để bảo vệ sự điệp mạc khải. Ai không tuân giữ quyết định này có thể bị loại trừ khỏi cộng đoàn Hội thánh.
- *Liên kết với toàn giáo hội*: phù hợp với tất cả các quyền bính và các cơ quan khác của Giáo hội, công bố phải hướng đến ơn cứu độ cho toàn nhân loại; sự phù hợp này được biểu lộ trong sự đón nhận của toàn Giáo hội.

1.3.1.2.2. Các mức độ của huấn quyền

Chúng ta có thể phân biệt bốn mức độ huấn quyền, mỗi mức độ đòi hỏi một loại đáp trả khác nhau:

- *Tín điều*
- *Những tuyên bố chung quyết bởi huấn quyền tối cao*

- Giáo lý chính thức nhưng không dứt khoát bởi các giám mục hiệp thông với Đức Giáo hoàng hay bởi Giáo hoàng thi hành quyền giáo huấn thông thường
- Huấn quyền can thiệp trong những trường hợp cụ thể

1.3.1.2.2.1. Tín điều

Đây là những giáo lý chứa đựng trong Lời Chúa, được viết hay được truyền và xác định bằng một phán quyết long trọng như những chân lý được Thiên Chúa mạc khải hoặc bởi Giáo hoàng Rôma khi ngài nói «*ex cathedra*» hoặc bởi toàn thể các giám mục tập trung trong một công đồng chung hay phổ quát.

Những chân lý này đòi phải có sự đồng thuận đức tin đối thần của mọi tín hữu. Do đó, bất cứ ai cố tình nghi ngờ hay chối bỏ các chân lý này sẽ rơi vào lạc giáo²⁹. Người đó sẽ tự động bị vạ tuyệt thông tiền kết³⁰. Ở đây chúng ta có một hành động xác định hay xác định long trọng³¹.

Ví dụ:

- 1) Kinh tin kính
- 2) Những tín điều về Kitô học
- 3) Tín điều về Đức Maria
- 4) Giáo lý về Chúa Kitô thiết lập các bí tích và hiệu lực của nó liên quan đến ân sủng.
- 5) Giáo lý về sự hiện diện đích thực và bản thể của Chúa Kitô trong Thánh Thể
- 6) Hy tế của việc cử hành Thánh Thể
- 7) Chúa Kitô thiết lập Giáo hội
- 8) Giáo lý về quyền bính và bất khả ngộ của Đức Giáo hoàng
- 9) Giáo lý về tồn tại của tội nguyên tổ
- 10) Giáo lý về sự bất tử của linh hồn và sự thưởng phạt tức thì sau khi chết
- 11) Không có sự sai lầm trong các bản văn thánh được linh hứng

1.3.1.2.2.2. Những tuyên bố chung quyết bởi quyền giáo huấn tối cao

Bản tuyên xưng đức tin dành cho các linh mục mới nhận xứ nói rằng:

«Tôi cũng kiên quyết chấp nhận và tuân thủ mọi điều và từng điều do Giáo hội xác quyết liên quan đến giáo lý về đức tin và luân lý»³².

Được giáo lý Công giáo nhìn nhận, những tuyên bố này chứng minh sự linh hứng đặc biệt của Chúa Thánh Thần, để Giáo hội hiểu sâu sắc hơn về chân lý liên quan đến đức tin và luân lý. Những tuyên bố chung quyết này có liên hệ đến đức tin và luân lý bằng những nguyên nhân lịch sử hay bằng những nguyên nhân logic.

²⁹ Cfr. GLCG 2089.

³⁰ Cfr. GL 1364.

³¹ Cfr. BRIAN E. FERME, «Ad tuendam fidem; some reflections»: *Periodica* 30 (1999) 579-606.

³² VINH SON NGUYỄN THẾ THỦ, *Cẩm nang các nghi thức Bí tích và Á Bí tích*, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2003, 162.

Đối tượng những chân lý này bao gồm tất cả những giáo huấn thuộc về lãnh vực tín lý hay luân lý, và cần thiết để gìn giữ và trình bày cách trung thành kho tàng đức tin, cho dù chúng không được huấn quyền Hội thánh đưa ra như những mạc khải chính thức.

Những chân lý này được nói và được dạy cách vô ngộ bởi quyền giáo huấn thông thường và phổ quát. Nhưng chúng không được xác nhận hoặc tái xác nhận bởi Giáo hoàng Rôma bằng cách công bố rõ ràng dứt khoát rằng chúng thuộc về huấn quyền thông thường và phổ quát như một chân lý Thiên Chúa mạc khải. Chúng có thể là đối tượng của một hành động xác định hay xác định long trọng nhưng chưa phải một hành động được xác định.

Người ta phải có sự ưng thuận các chân lý này. Hơn nữa, một người không hiệp thông trọn vẹn sẽ có thể bị phạt. Ai từ chối những chân lý này có thể ở vị trí chối từ một chân lý giáo lý Công giáo.

Ví dụ:

- 1) *Giáo lý về truyền chức linh mục chỉ cho những người nam.*
- 2) *Giáo hội kết án việc giết người trực tiếp và cố tình một người vô tội, trực tiếp phá thai hay trực tiếp làm chết êm dịu.*
- 3) *Hôn nhân đã thành nhận và hoàn hợp thì không thể được tháo gỡ bởi bất cứ quyền bính nhân loại nào hay bởi bất cứ nguyên nhân nào ngoài cái chết.*
- 4) *Bất hợp pháp của mãi dâm và dâm dục*³³.

Người nào từ chối một giáo lý được dạy cách rõ ràng bởi huấn quyền tối cao thì phạm tội cách trầm trọng chống lại đức tin và là sai lầm nghiêm trọng nhưng không phải là lạc giáo.

1.3.1.2.2.3. Giáo lý chính thức nhưng không dứt khoát bởi các giám mục hiệp thông với Đức Giáo hoàng hay bởi Giáo hoàng thi hành quyền giáo huấn thông thường

Bản tuyên xưng đức tin của các linh mục mới nhận xứ nói rằng:

«Bằng sự vâng phục đạo đức từ trong tâm trí và ý chí, tôi chấp nhận những giáo lý do Đức Giáo hoàng hoặc Giám mục đoàn trình bày, khi các ngài thi hành quyền giáo huấn chính thức dù không có ý định xác quyết»³⁴.

Ở đây chúng ta phải tuân phục cả tâm trí và ý chí những điều do huấn quyền công bố. Tuyên bố chống lại những giáo lý này có thể bị coi như là sai lầm. Trong trường hợp đây là những giáo huấn của bậc khôn ngoan, thì bị coi là sự liều lĩnh hay nguy hiểm.

Ví dụ:

- 1) *Sự độc thân linh mục*
- 2) *Sự cao cả của đời sống thánh hiến*

³³ Cfr. BRIAN FERME, «The response, 28 October 1995, of the Congregation for the Doctrine of Faith to the Dubium concerning the Apostolic Letter, *Ordinatio Sacerdotalis*, 22 may 1994: Authority and Significance»: *Periodica* 85 (1966) 688-727.

³⁴ VINH SON NGUYỄN THẾ THỦ, *Cẩm nang các nghi thức Bí tích và Á Bí tích*, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2003, 162.

3) *Tôn kính Đức Mẹ*

4) *Giáo lý Hội thánh Công giáo*

1.3.1.2.2.4. *Huấn quyền can thiệp trong những trường hợp cụ thể*

Việc trả lời trong những trường hợp như thế là sự phục tùng trung thành.

Ví dụ:

Việc lên án các hình thức chính phủ đàn áp.

1.3.2. Vô ngộ

Để đức tin được chuyển tải cho các thế hệ kế tiếp cách trung thành, thì đức tin đó phải đảm bảo tính nguyên vẹn và trọn vẹn. Điều nào làm cho đức tin được trọn vẹn qua dòng thời gian? Ngoài huấn quyền, Giáo hội còn được đặc ân vô ngộ. Nhờ vô ngộ mà Giáo hội luôn trường tồn nhờ tính thống nhất trong việc lưu truyền, gìn giữ, bảo tồn và giải thích kho tàng đức tin.

Vô ngộ là không thể sai lầm. Sự vô ngộ của Giáo hội nói cách vắn tắt là Chúa Thánh Thần không cho phép Giáo hội sai lầm trong lãnh vực đức tin và luân lý hay những giáo huấn trong một môi trường cụ thể.

«Tiến bước qua thử thách và bách hại, Giáo hội được kiện cường nhờ sức mạnh của ơn Chúa đã được hứa ban để, cho dù với xác thịt yếu hèn, Giáo hội vẫn không đánh mất sự trung tín hoàn toàn, nhưng vẫn luôn là hiện thân xứng đáng của Chúa, và không ngừng canh tân chính mình dưới tác động của Chúa Thánh Thần cho đến khi qua thập giá đạt đến ánh sáng không hề tắt»³⁵.

Người ta phân biệt giữa *vô ngộ chủ động* và *vô ngộ thụ động*. Vô ngộ chủ động thuộc về các mục tử Hội thánh khi thực hiện quyền giáo huấn chính thức (*infallibilitas in docendo*), và vô ngộ thụ động thuộc về toàn bộ các tín hữu trong việc đồng thuận các sứ điệp đức tin (*infallibilitas in credendo*). Chủ động và thụ động liên hệ với nhau như nguyên nhân và hiệu quả.

1.3.2.1. *In credendo*

Về ơn vô ngộ thụ động, *Công đồng Vaticanô II* đã nói rõ ở Hiến chế *Lumen Gentium*³⁶.

«Toàn thể các tín hữu được Đấng thánh xúc dầu (*cf. 1Ga 2,20 và 27*) nên không thể sai lầm trong đức tin, họ biểu lộ thuộc tính đặc biệt này qua cảm thức siêu nhiên về đức tin của toàn thể Dân Chúa, khi “từ các giám mục đến những người bé mọn nhất trong các tín hữu”³⁷ đều đồng thuận về những điều liên quan đến đức tin và phong hóa. Thật vậy, nhờ cảm thức đức tin do chính Thánh Thần chân lý khơi dậy và nâng đỡ, khi tuân phục theo sự hướng dẫn của huấn quyền Giáo hội, Dân Thiên Chúa đón nhận không phải lời của người phạm, nhưng thực sự là Lời Thiên Chúa (*cf. 1Tx 2,13*), trung thành gắn bó với đức tin đã được truyền lại cho các thánh chỉ một lần là đủ (*Gđ 3*),

³⁵ LG 9.

³⁶ Cfr. LG 12.

³⁷ AUGUSTINÔ, *De Præd Sancti* 14,27: PL 44,980.

thấu hiểu cách sâu xa hơn với một nhận thức chính xác và thực thi đức tin cách hoàn hảo hơn trong đời sống hàng ngày»³⁸.

Từ đầu những khóa họp Công đồng Trentô (1545-1563), các nghị phụ Công đồng đã viện dẫn đến đức tin của Hội thánh³⁹. Chúng ta có thể đưa ra đây trường hợp Đức Giáo hoàng Piô IX và Piô XII, cả hai đã quy chiếu cách rõ ràng đến đức tin của Dân Chúa như một phần của tranh luận của các ngài trong việc định tín về Đức Mẹ vô nhiễm nguyên tội⁴⁰ và lên trời cả hồn cả xác⁴¹.

1.3.2.2. *In docendo*

Chủ thể chủ động của vô ngộ là Đức Giáo hoàng và giám mục đoàn, nghĩa là toàn bộ các giám mục, bao gồm cả Đức thánh cha với tư cách là đầu của giám mục đoàn.

1.3.2.2.1. Đức Giáo hoàng

Đức Giáo hoàng được ơn vô ngộ khi nói *ex cathedra*⁴². Đức Thánh cha giảng dạy *ex cathedra* «khi ngài tuyên bố một cách quả quyết là phải giữ một học thuyết về đức tin hay về luân lý, với tư cách là chủ chăn và là tiến sĩ tối cao của tất cả mọi kitô hữu»⁴³.

Để được ơn vô ngộ, khi nói *ex cathedra*, Đức thánh cha cần có bốn điều kiện sau đây: chức vụ, cách thức, nội dung và người nhận.

1.3.2.2.1.1. Chức vụ

Đức Giáo hoàng phải công bố *ex cathedra*, nghĩa là, từ vị trí là mục tử hay tiến sĩ tối cao hay phổ quát của Hội thánh, chứ không đơn giản như là một nhà thần học riêng tư, hay như một giám mục của giáo phận Rôma, hoặc như vị nguyên thủ của quốc gia Vaticanô, hay như tổng giám mục của giáo tỉnh Rôma, hay như giám mục chủ tịch Hội đồng Giám mục nước Ý, hay như đại giáo chủ phương Tây.

1.3.2.2.1.2. Cách thức

Ngài phải xác định giáo thuyết, không phải chỉ giải thích, phê bình, nhận xét, ủng hộ hay thảo luận... Trong việc xác định, ngài công bố cách chắc chắn một giáo lý với sự chính xác và chắc chắn, nói ra giáo lý đó như một phán quyết chân lý chung cuộc và dứt khoát, loại trừ những điều khác và loại bỏ sự nghi ngờ, và có ý *buộc toàn thể Giáo hội phải tin*.

1.3.2.2.1.3. Nội dung

Giáo thuyết phải liên quan đến đức tin và luân lý. Không cần phải là một giáo thuyết được mạc khải, có thể là một điều nào đó đã được lý trí con người nhận biết. Ví dụ: một điểm của luật tự nhiên như tội ác của việc giết người, trộm cướp...

1.3.2.2.1.4. Người nhận

³⁸ LG 12.

³⁹ Cfr. DZ 1635, 1726, 1820.

⁴⁰ Cfr. Piô IX, Tông hiến *Ineffabilis Deus* (08/12/1854): DZ 2800-2804.

⁴¹ Cfr. Piô XII, Tông hiến *Munificentissimus Deus* (01/11/1950): DZ 3900-3904.

⁴² Cfr. GL 749§1.

⁴³ GL 749§1.

Giáo thuyết đó phải được công bố cho *toàn Giáo hội*, chứ không phải chỉ là một địa hạt riêng của ngài.

1.3.2.2.2. Giám mục đoàn

Toàn thể các giám mục được ơn vô ngộ, khi các ngài hoặc *tập trung trong một công đồng chung*, hiệp nhất với Đức giáo hoàng hoặc *phân tán khắp nơi trên thế giới*, hiệp nhất với Đức giáo hoàng về đức tin và luân lý.

«Giám mục đoàn cũng được ơn *bất khả ngộ* trong quyền giáo huấn, khi các giám mục hội họp trong công đồng chung thi hành quyền giáo huấn với tư cách là thầy dạy và là thẩm phán về đức tin và luân lý, khi các ngài tuyên bố toàn thể Giáo hội phải dứt khoát tuân giữ một học thuyết liên quan đến đức tin hay luân lý, hoặc khi các giám mục tản mác khắp thế giới vẫn giữ mối dây hiệp thông với nhau và với Đấng kế vị thánh Phêrô, chính thức giảng dạy những điều liên quan đến đức tin hay luân lý trong sự hiệp thông với Giáo hoàng Rôma và đồng ý về một điều của học thuyết phải được dứt khoát tuân giữ»⁴⁴.

Công đồng Vaticanô II xác định rõ ràng hơn khi viết:

«Các giám mục, dù đang phân tán khắp nơi trên thế giới nhưng vẫn duy trì sự hiệp thông với nhau và với Đấng kế vị thánh Phêrô, trong lúc chính thức dạy dỗ về đức tin và phong hóa, khi đồng thuận công bố một phán quyết phải được tuân giữ cách tuyệt đối, các ngài công bố cách *bất khả ngộ* giáo lý của Đức Kitô»⁴⁵.

Kế vị các tông đồ, các giám mục là những mục tử và thầy dạy đức tin. Với tư cách là những thầy dạy đức tin chính thức, các ngài được ban ơn vô ngộ chủ động để bảo đảm cho lời dạy chính thức của Giáo hội được lưu truyền nguyên vẹn.

Có hai hình thức của giáo huấn chính thức chủ động của giám mục đoàn là *thông thường* và *ngoại thường*.

Các giám mục thực hiện quyền giáo huấn vô ngộ cách ngoại thường tại công đồng chung hay phổ quát. Nơi công đồng chung, giáo huấn của toàn thể thân mình Chúa Kitô được thực hiện cách rõ ràng nhất.

Để một quyết định của công đồng chung được vô ngộ, cần thiết phải có các điều kiện sau:

- 1) *Tất cả các giám mục đang cai quản được mời. Nếu như vậy, thực tế sẽ có quá nhiều giám mục từ các quốc gia khác nhau đến, nên có thể các ngài sẽ đại diện cho toàn thể giám mục đoàn.*
- 2) *Đức Giáo hoàng triệu tập Công đồng hay ít nhất một hội đồng thay quyền ngài và chủ trì với tư cách cá nhân hay bằng cách đại diện ngài tại cuộc họp, và cho phép giải quyết các vấn đề tranh luận. Nhờ sự phê chuẩn của Đức thánh cha cách minh thị hay ám tàng, các quyết định của công đồng có quyền trói buộc chung cách hợp pháp.*

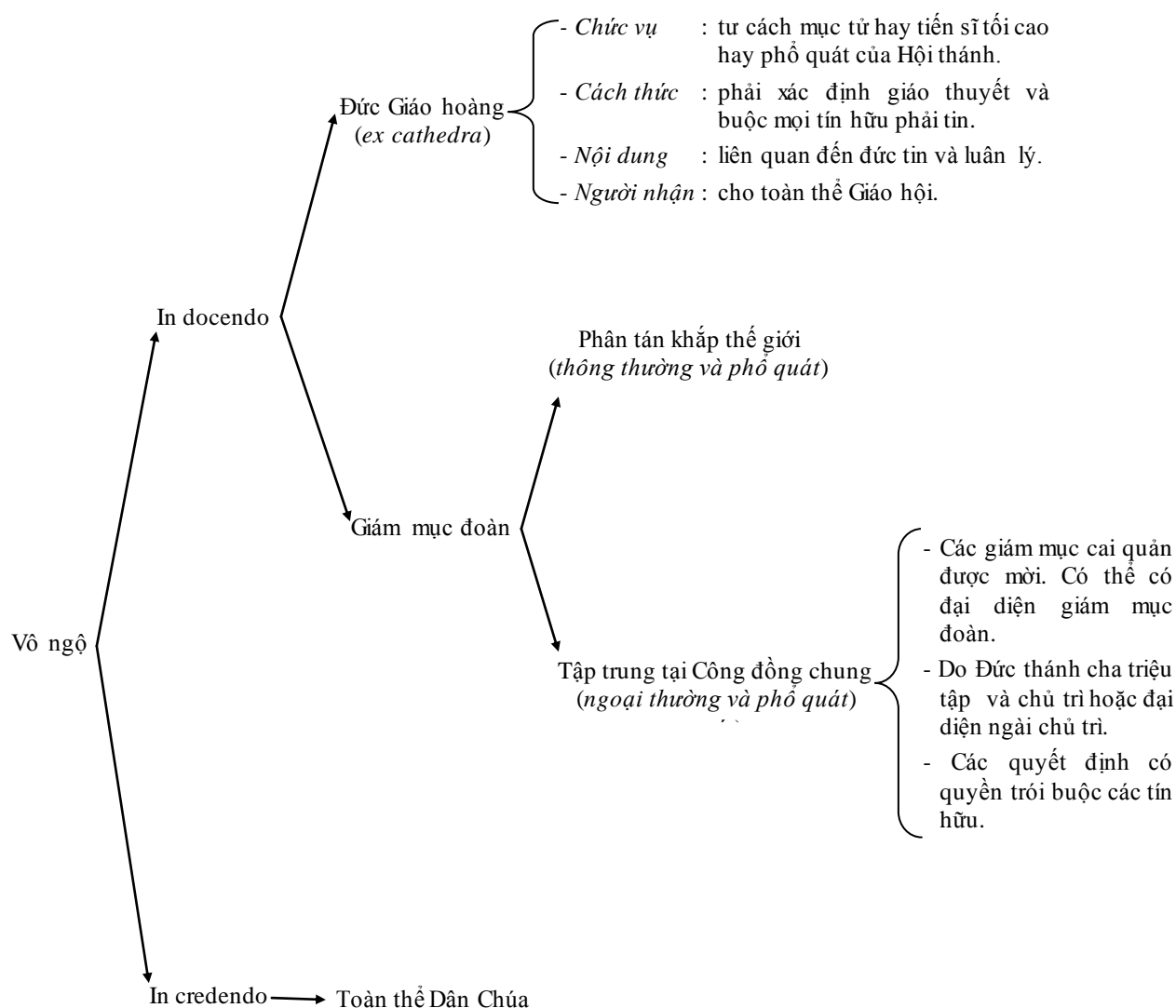
⁴⁴ GL 749§2.

⁴⁵ LG 25.

Tám công đồng chung đầu tiên (*Nixêa I (325), Constantinople I (381), Êphêsô (431), Canxêđônia (451), Constantinople II (553), Constantinople III (680-681), Nixêa II (787), Constantinople IV (869-870)*) do hoàng đế triệu tập, và cũng là người điều khiển. Công đồng chung thứ hai (*Constantinople I (381)*) và thứ năm (*Constantinople II (553)*) được triệu tập mà không có sự hợp tác của Đức Thánh cha hay đại diện của ngài. Vì thế các công đồng này được triệu tập, thành phần tham dự và phương hưởng, chúng là các công đồng miền Đông phương, nhưng đạt được tính pháp lý chung bằng sự công nhận bổ sung về sau của những phán quyết giáo thuyết bởi toàn giáo hội.

Sau cùng chúng ta cần nhớ rằng: «*từng giám mục riêng rẽ không được hưởng đặc ân bất khả ngộ*»⁴⁶.

Đây là sơ đồ về ơn vô ngộ trong Giáo hội:



⁴⁶ LG 25.

2. MÊ TÍN

2.1. KHÁI NIỆM VỀ MÊ TÍN

Người ta hiểu mê tín⁴⁷ theo hai nghĩa, *nghĩa rộng* và *nghĩa hẹp*. Theo *nghĩa rộng*, mê tín là chấp nhận những tín ngưỡng và thực hành khách quan mà xét hoàn toàn không có cơ sở và vì thế phi lý, vô ích. Người ta cũng coi là mê tín những hành vi lạm dụng mang tính ma thuật đối với các tín ngưỡng và thực hành tôn giáo chân chính nhưng sai cách. Theo *nghĩa hẹp*, mê tín chính là tin tưởng và hành động một cách hời hợt vô ích, do tin cậy vào những quyền năng tưởng tượng. Sai lầm của những việc thực hành tôn giáo mê tín nằm ở chỗ đã cậy dựa vào những phương thế thờ phượng không thích đáng và vô ích để cầu cạnh ơn huệ của những quyền lực thiêng liêng có thật, tức là Thiên Chúa và các thánh. Còn sai lầm của sự mê tín theo nghĩa hẹp hệ tại ở chỗ tin tưởng vào những quyền năng không hề có thật.

Sách *Giáo lý Hội thánh Công giáo* định nghĩa: «*Mê tín là lệch lạc trong tâm tình tôn giáo và trong cách thể hiện tâm tình này*»⁴⁸. Với định nghĩa này, người ta cũng có thể rơi vào mê tín khi cử hành các bí tích nếu không có tâm tình bên trong: «*nếu cho rằng chỉ cần đọc các lời kinh hay làm các dấu chỉ bí tích là có hiệu quả, bất chấp những tâm tình phải có bên trong, người ta rơi vào mê tín*»⁴⁹.

Phải *phân biệt mê tín với những nghi thức và tập tục không hợp lý lắm*, chỉ đóng vai trò làm biểu tượng hay những ký hiệu theo sự quy ước. Sử dụng các biểu tượng tôn giáo và phụng vụ để diễn tả các thực tại thiêng liêng cho con người thấy được là một việc rất có ý nghĩa, nó giúp con người đến gần được Thiên Chúa. Tuy nhiên, khi chọn lựa nghi thức này tập tục nọ, người ta không nhất thiết phải tuyệt đối hợp lý. Dùng nước thánh để chúc lành cho người, đồ vật là dùng một dấu hiệu khả giác để nói lên nguyện vọng của con người là muốn được Chúa giúp đỡ và che chở; hay được chúc lành; hoặc tượng trưng cho việc con người hay đồ vật đó được dâng hiến cho Thiên Chúa. Dấu hiệu thật chính là ý nghĩa của nó, cho dù không có lý do gì bắt ta phải làm dấu hiệu ấy. Ví dụ, thói quen bắt tay khi chào nhau và thường là bắt tay phải (*bàn tay may mắn*), ngày nay được coi là cách bày tỏ lòng kính trọng nhau, lịch sự và tình bạn. Đó là ý nghĩa thật của cử chỉ bắt tay, dù ban đầu có lẽ đó là một cử chỉ có ý nghĩa khác với hiện nay.

Cũng vậy, cần *phân biệt mê tín với việc sử dụng các khả năng siêu tâm lý nơi con người*. Mặc dù cho đến nay ta chưa biết và giải thích đầy đủ về bản chất và điều kiện của chúng theo quan điểm khoa học, nhưng sự kiện ấy đã được chứng minh bằng thí nghiệm. Một số người đã dùng que và hòn chì để tìm ra mạch nước, khoáng sản và có khi cả những đồ vật bị mất nữa. Bàn quay cũng cho ta biết một số sự kiện bí ẩn, dù các nhà chuyên môn thường cho rằng phương pháp này chỉ cho ta biết chắc các sự kiện đã được một trong những người có mặt lúc đó biết, ít ra là biết mà không ý thức. Chữa bệnh bằng niềm tin là một hiện tượng siêu

⁴⁷ Mê tín, trong tiếng Latinh là *Superstitio* (*đứng trên*). Nghĩa là một điều gì đó ở bên trên chúng ta. Người mê tín là vì sợ hãi một điều siêu nhiên, và rồi trở nên «*kính sợ*». Do đó, con người cố gắng làm nguôi giận thần linh bằng cách cầu nguyện và lễ phẩm.

⁴⁸ GLCG 2111.

⁴⁹ GLCG 2111.

tâm lý khác, đã được áp dụng thành công, dù không thành công đối với các bệnh trầm trọng. Tuy nhiên, đôi khi việc sử dụng các khả năng đặc biệt này có pha trộn với những việc mang tính mê tín hoặc có đi kèm theo sự áp đặt và lừa bịp. Trong trường hợp đó, ta sẽ không thể tán thành phương pháp này và cần phải phản đối mạnh mẽ.

Trong số những nguyên nhân đưa đến mê tín, phải kể đến sự *thiếu hiểu biết*. Những người thiếu thông tin về các sự kiện khoa học, những người không biết giải thích về các hiện tượng tự nhiên, những người không được dạy cho có những quan điểm đúng về Thiên Chúa thường dễ rơi vào tình trạng mê tín hơn. Người thiếu hiểu biết thường dễ tin vào các sức mạnh huyền bí chỉ vì họ cần có lời giải thích về những sự kiện bất thường, đáng sợ, mà họ không thể hiểu được. Ngoài ra, các điều mê tín và các việc mê tín thường được truyền lại từ ông bà tổ tiên. Mọi người coi đó là chuyện hiển nhiên, và vì thế cá nhân khó có thể tránh khỏi.

Tuy nhiên, nguyên nhân sâu sa nhất của sự mê tín là do *thiếu đức tin chân chính* vào Thiên Chúa và *thiếu sự thờ phượng đích thật*. Thiếu đức tin chân chính là lý do giải thích tại sao ngay cả trong giới có học vấn vẫn còn lưu truyền rất nhiều điều mê tín. Dù khoa học tiến bộ, dù hiểu biết nhiều, cuộc sống con người vẫn bất trắc và luôn bị đe dọa bởi những ảnh hưởng không dự đoán được. Trong sự bất an và lo lắng đó, con người vội vã đi tìm sự an toàn và che chở. Nếu không thể tìm được điều đó nơi sự quan phòng của Thiên Chúa và nếu không thể tin nhiệm vào Thiên Chúa, con người sẽ dễ dàng có khuynh hướng rơi vào những điều mê tín như nguồn an toàn giả tạo cho mình. Mê tín

«là một trong những cố gắng tuyệt vọng của con người tìm cách giải thích cuộc sống quá rắc rối của mình và tìm cách thoát khỏi sự bất an cũng như âu lo của cuộc sống đó. Phản ứng này cho thấy con người đã mơ hồ nhận ra chiều sâu thăm của sự hiện hữu và định mệnh của mình là hướng tới sự siêu việt. Thế nhưng, những mê tín ấy đã làm lệch lạc cái nhìn của con người về chủ quyền tuyệt đối của Thiên Chúa, vì con người cảm thấy được hứng khởi với ý tưởng: qua những lời lẽ và hành vi có tính nghi thức đó, mình có thể xoa dịu được thần minh hay sức mạnh mà cuộc sống bí ẩn của mình phải dựa vào»⁵⁰.

Mê tín do thiếu hiểu biết chắc hẳn sẽ chầm chước cho con người khỏi mắc tội riêng, trừ tội đã để mình thiếu hiểu biết như vậy. Nhưng thiếu đức tin căn bản, tức là thiếu phó thác, thiếu tin tưởng vào Chúa, phải bị coi là có tội. Nếu mê tín là do thiếu đức tin, thì đó quả là một tội nặng đối với đức thờ phượng. Bởi lẽ thay vì đặt niềm tin vào Thiên Chúa, con người đặt nó vào trong các quyền năng tưởng tượng và tìm kiếm sự che chở và giúp đỡ ở những nơi không có. Ngoài ra, mê tín thường là một tội do sự vô trách nhiệm của cá nhân và xã hội, ít là xét theo khách quan, vì con người đã quyết định dựa theo những ảo tưởng thay vì dựa trên lý trí lành mạnh. Bởi đó, những quyết định cần thiết thì không được lấy, những hành vi cương quyết thì hoàn toàn bị tê liệt, những yêu cầu thực sự của cuộc sống thì né tránh.

Tuy nhiên, ta phải nhìn nhận rằng trong thế giới hiện nay đang có nhiều sức mạnh hoạt động; những sức mạnh ngoại thường nhưng có thật, lạ lùng nhưng vẫn nằm trong phạm vi tự nhiên. Chúng có bản chất của những hiện tượng siêu tâm lý. Nhiều hiện tượng trong số đó trước đây bị cho là những việc thuộc về ma thuật và mê tín. Chúng là những thực tại mà con

⁵⁰ B. KLOPPENBURG, «Superstizione»: *Sacramentum Mundi*, vol. VIII (1977) 153tt.

người phải xét tới, và sử dụng chúng thường không bị gán cho là có tội. Từ chỗ quan sát thấy những khả năng siêu tâm lý đặc biệt ấy, nhiều người đã đi đến chỗ cũng tin vào những việc làm mê tín đúng nghĩa, chỉ vì có nhiều điều hoàn toàn vượt lên khỏi sự hiểu biết của ta. Ta phải coi đây là những yếu tố châm chước cho việc chọn theo những điều mê tín (*xét cho cùng, yếu tố này chính là sự thiếu hiểu biết của con người*). Dù vậy, cần phải có sự dè dặt cẩn thận. Một đằng, ta không được vờ đũa cả nắm khi cho mọi hiện tượng bất thường là ma thuật, là mê tín. Đằng khác, ta cũng không nên quá dễ tin vào chúng, bất kể chúng có tính chất phàm tục hay tôn giáo.

2.2. GIÁO HỘI CẤM VIỆC MÊ TÍN

Kinh thánh không cung cấp những điều do sự ngẫu nhiên tình cờ, vì không có gì nằm ngoài chương trình và sự điều khiển tối cao của Thiên Chúa. Ngài cho phép mọi sự xảy ra trong kế hoạch của Ngài (*cfr. Cv 4,28; Ep 1,10*).

Có nhiều loại mê tín trên thế giới và Kinh thánh lên án cách nặng nề những hình thức mê tín như bói toán, chiêm tinh, tướng số, phù thủy, bả bùa, ngòi đồng ngòi cốt, chiêu hồn (*cfr. Đnl 18,9-14; Is 2,6; 8,19; Gr 27,9tt; Cv 19,19*), thậm chí còn ra lệnh phạt tử hình những người phù thủy, đồng cốt và ma nhập (*cfr. Xh 22,17; Lv 20,27*).

Kinh thánh lên án chiêm tinh:

«Khi anh em ngược mắt lên trời và thấy mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao, toàn thể thiên binh, thì đừng bị lôi cuốn mà sụp xuống lạy và phụng thờ Chúa. Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, đã phân chia chúng cho mọi dân thiên hạ» (*Đnl 4,19*).

Ma thuật, bói toán và phù thủy cũng được Kinh thánh nói đến khi đề cập đến tội lỗi của dân Israel:

«Vua làm lễ thiêu con trai mình, làm nghề chiêm tinh và phù thủy, lập ra cô đồng và thầy bói; vua làm nhiều điều dữ trái mắt Đức Chúa để trêu giận Người» (*2V 21,6*).

«Chúa đã bỏ rơi dân Ngài là nhà Giacóp, vì họ chứa đầy thầy bói phương Đông và thầy chiêm như những người Philitinh; họ thỏa hiệp với người ngoại quốc» (*Is 2,6*).

Thờ ngẫu thần cũng bị cấm và không ai thờ ngẫu thần mà vào nước Trời (*cfr. Kh 21,27*).

Tất cả các loại mê tín này rất nguy hiểm vì chúng dẫn đưa tâm hồn con người tới ảnh hưởng của ma quỷ. Thánh Phêrô cảnh báo chúng ta cần phải tỉnh thức với những thói tư tậ xấu trần gian: «*anh em hãy sống tiết độ và tỉnh thức, vì ma quỷ, thù địch của anh em, như sư tử gầm thét, rảo quanh tìm mồi cắn xé*» (*1Pr 5,8*).

Chúng ta nhận được đức tin không phải do những đối tượng hay những nghi thức do con người làm ra, nhưng do một Thiên Chúa duy nhất, Đấng đã ban sự sống vĩnh cửu cho chúng ta:

«Hãy coi chừng chớ để ai gài bẫy anh em bằng mọi triết lý và những tư tưởng giả dối rỗng tuếch theo truyền thống người phàm và theo những yếu tố của vũ trụ chứ không theo Đức Kitô. Thật vậy, nơi Người tất cả sự viên mãn

của thần tính hiện diện cách cụ thể, và trong Người anh em được sung mãn: Người vốn là đầu của mọi quyền lực thần thiêng» (Cl 2,8-10).

Mê tín là tội xúc phạm đến điều răn thứ nhất:

«Người không được có thần nào khác đối nghịch với Ta. Người không được tạc tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao, cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ. Người không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ: vì Ta, Đức Chúa, Thiên Chúa của người, là một vị thần ghen tương. Đối với những kẻ ghét ta, Ta phạt con cháu đến ba bốn đời vì tội lỗi của cha ông» (Xh 20,3-5).

Mê tín cũng chống lại luật tự nhiên vì chống lại mệnh lệnh lý trí trong liên hệ với Thiên Chúa. Tội lỗi vốn có từ tất cả việc thực hiện mê tín từ việc tôn thờ ngẫu thần cho đến việc kiêng giữ cách vô lý, dĩ nhiên với những cấp độ tội khác nhau. Liên quan đến chủ thể phạm tội, cần phải hiểu rằng, một người phạm tội trọng cần có các điều kiện sau⁵¹:

- 1) *Phạm một lỗi nặng*
- 2) *Đầy đủ ý thức và hoàn toàn ứng thuận*
- 3) *Cố tình phạm một điều xấu*

Sách *Giáo lý Hội thánh Công giáo* cũng trình bày tội mê tín là chống lại điều răn thứ nhất⁵². Hội thánh cũng phân biệt rõ mê tín, thờ ngẫu thần, bói toán và ma thuật, là do lệch lạc trong việc thờ phượng một Thiên Chúa đích thật: «*người phải bái lạy Đức Chúa là Thiên Chúa của người, và phải thờ phượng một mình Người mà thôi*» (Lc 4,8).

Huấn quyền đã nhiều lần lên tiếng về việc mê tín:

«Việc Huấn quyền can thiệp để giải bày tư tưởng của mình, trong những điều liên quan đến những đạo lý triết học đặc thù, không phải là sự kiện mới mẻ. Chỉ cần nhắc lại rằng, qua các thế kỷ, những tuyên ngôn về những học thuyết quả quyết về tiền kiếp của các linh hồn⁵³, hoặc về những hình thức thờ ngẫu tượng và những thuyết bí truyền mê tín, hàm súc trong những luận đề của thuật chiêm tinh⁵⁴, ấy là chưa nói đến một số đề luận của thuyết Averroes latin không thể phù hợp với đức tin Kitô giáo⁵⁵»⁵⁶.

Đức Thánh Cha Lêô XIII đã khuyên dạy các tín hữu không «*xin xăm, bói toán, ma thuật và triệu hồn*»⁵⁷. Qua các thế kỷ Giáo hội luôn bài bác việc mê tín⁵⁸ và huấn quyền Hội thánh đặt mê tín ra khỏi giáo lý chính thống của mình⁵⁹.

⁵¹ Cfr. GLCG 1857.

⁵² Cfr. GLCG 2111-2117.

⁵³ Cfr. *Sinodo di Constantinopoli*, «Anatematismi contro Origene»: DZ 403

⁵⁴ Cfr. DZ 205; DZ 459-460; SISTÔ V, Bulle «Coeli et terrae Creator» (05/01/1586): *Bullarium Romanum* 44, Romae 1747, 176-179; URBANÔ VIII, «Inscrutabilis judiciorum» (01/04/1631): *Bullarium Romanum* 61, Rome 1758, 268-270.

⁵⁵ Cfr. CÔNG ĐỒNG VIENNE, Costituzione *Fidei catholicae*: DZ 902; CÔNG ĐỒNG LATRAN V, Bolla *Apostolici regiminis*; DZ 1440.

⁵⁶ GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp *Fides et Ratio* (14/09/1998), số 52: AAS 91 (1999) 45-46.

⁵⁷ LÊÔ XIII, Costituzione Apostolica *Officiorum ac munerum* (25/01/1897).

Tội mê tín không những xúc phạm đến Thiên Chúa là chủ thể vạn vật, mà còn làm cho người ta *mất niềm tin vào cuộc sống*, không tin vào những lời lẽ khôn ngoan của người bên cạnh ta, là những người Chúa gửi đến, nhất là những người có trách nhiệm hướng dẫn tinh thần, hướng dẫn đời sống đức tin chúng ta.

Người mê tín cũng là những người bám *vào các thực tại trần thế* hơn là phó thác vào tình yêu và sự quan phòng của Thiên Chúa. Và như thế, một cách nào đó đặt Chúa ra hàng thứ yếu, để tôn sùng các thụ tạo, là những điều được Chúa tạo dựng. Nghĩa là họ đặt sai chỗ, sai vị trí của Thiên Chúa trong cung lòng mỗi người, chỉ dành cho Chúa một chỗ thứ yếu trong cuộc sống.

Giáo hội được Chúa trao nhiệm vụ gìn giữ đức tin tinh tuyền, từ đầu đã bài bác và lên án mạnh mẽ tội mê tín này. Giáo hội chỉ tin nhận Thiên Chúa là chủ thể vạn vật, hữu hình và vô hình và không một thế lực nào có thể thay thế Thiên Chúa được.

Nói mê tín là chúng ta nói cách chung, có các hình thức mê tín mà đòi hỏi chúng ta phải có cái nhìn kỹ hơn để hiểu rõ mê tín trong những yếu tố chi tiết của nó.

2.3. CÁC LOẠI MÊ TÍN

Sách *Giáo lý Hội thánh Công giáo* định nghĩa rằng: «*mê tín là lệch lạc trong tâm tình tôn giáo và trong cách thể hiện tâm tình này*»⁶⁰. Theo định nghĩa này, mê tín là «*lệch lạc*» cả trong nội dung và hình thức tôn thờ. Nói cách khác, mê tín là một việc tôn thờ xấu. Việc tôn thờ là xấu khi thờ Thiên Chúa không xứng hợp với một Thiên Chúa, nghĩa là *tôn thờ Thiên Chúa sai cách*; hoặc thờ một đấng không đúng, tức là *thờ các thụ tạo*⁶¹.

2.3.1. Tôn thờ Thiên Chúa sai cách

Việc tôn thờ Thiên Chúa sai cách có thể là *tôn thờ sai lạc* và thực hiện *việc đạo đức hơi có tính ma thuật*.

2.3.1.1. Tôn thờ sai lạc

Việc tôn thờ là sai khi việc tôn thờ không đúng cách. Điều sai này có thể được diễn tả không chỉ trong từ ngữ mà còn trong trong chính nghi thức nữa.

Thờ phượng sai là một tội nặng. Nếu thờ sai vì lầm lẫn trong nghi thức thờ phượng, đó là chối bỏ một phần sự hoàn hảo của Thiên Chúa hay công việc của Thiên Chúa. Đây là một xúc phạm rất lớn đến Thiên Chúa.

Tôn thờ sai lạc khi người ta dùng những *phương tiện giả dối, phương tiện bất xứng, phương tiện xấu tự bản chất* và *phương tiện hư vô*.

⁵⁸ Cfr. BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, *Fede cristiana e demonologia* (26/06/1975): www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_19750626_fede-cristiana-demonologia_it.html.

⁵⁹ Cfr. BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, *Fede cristiana e demonologia* (26/06/1975): www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_19750626_fede-cristiana-demonologia_it.html; Đức thánh cha Alexandrô IV ngăn cản mọi hình thức chiêu hồn (27/09/1258); BỘ THÁNH VỤ, *De abusu magnetismi* (04/08/1856): DZ 2823-2825; BỘ THÁNH VỤ, trả lời ngày 24/04/1917: DZ 3642.

⁶⁰ GLCG 2111.

⁶¹ Cfr. THOMAS D'AQUINO, *Summa theologiae*, II-II,92,1.

2.3.1.1.1. Phương tiện giả dối

Việc tôn thờ Thiên Chúa là sai khi sử dụng các thánh tích nguy tạo hay không đúng, tuyên xưng những phép lạ giả tạo hay những mạc khải giả dối, dùng những nghi lễ không được Giáo hội phê chuẩn. «Ai thờ phượng Thiên Chúa nhân danh Giáo hội bằng cách chống lại việc Giáo hội đến với Thiên Chúa, chống lại quyền bính được ban cho và tập quán trong Giáo hội là phạm tội xuyên tạc»⁶². Dĩ nhiên, phụng vụ là một trong những nguồn mạch (hay nói theo ngôn ngữ chuyên môn, một trong những nơi) mà thần học có thể rút ra những nguyên tắc có khả năng trình bày cách hệ thống và khoa học về đức tin Kitô giáo⁶³. Điều này được diễn tả trong một câu châm ngôn nổi tiếng: «*luật cầu nguyện là luật đức tin*» (*lex orandi, lex credendi*). Như vậy, có thể nói, thờ phượng là kết quả của đức tin. Vì tin mà con người tìm kiếm những nghi thức để diễn tả niềm tin đó.

Điều này giải thích tại sao Hiến chế *Sacrosanctum Concilium* đã nói: «*việc điều hành Phụng vụ thánh tùy thuộc thẩm quyền duy nhất của Giáo hội: nghĩa là thuộc quyền của Tông tòa và các giám mục, chiếu theo quy định của Giáo luật*»⁶⁴. Đức Thánh cha Phaolô VI, trong một bài diễn văn nhân buổi họp cơ mật dành cho các tân hồng y vào ngày 27/06/1977 cũng đã nói:

«Liên quan đến những ai nhân danh sự tự do cách sai lầm, họ gây thiệt hại cho Giáo hội rất nhiều vì sự ứng khẩu, sáo rỗng và phù phiếm, và thậm chí phạm thánh tệ hại, chúng tôi mạnh mẽ mời gọi họ hãy giữ đúng những quy tắc đã được thiết lập. Không nói về kỷ luật Giáo hội, nếu quy tắc này không được tôn trọng, sự thiệt hại trầm trọng có thể gây ra cho bản chất tín lý, theo luật vàng “*lex orandi, lex credendi*”. Chúng tôi mời gọi trung thành tuyệt đối để bảo vệ “*regula fidei*”»⁶⁵.

2.3.1.1.2. Phương tiện bất xứng

Đó là những phương thế và hành vi được đưa vào phụng tự, nhưng không diễn tả thật sự lòng sùng kính của con người đối với Thiên Chúa, hay khi một người sử dụng những dấu chỉ không cân xứng, nghĩa là những dấu chỉ không có ý nghĩa diễn tả sự tuyệt vời của Thiên Chúa và sự phục tùng của chúng ta đối với Ngài.

Ví dụ một phó tế dâng thánh lễ hay làm những phận việc chỉ dành cho linh mục... Nếu một người thiếu sự ủy thác riêng, mà thờ phượng Thiên Chúa, người đó không hành động như thừa tác viên của Chúa Kitô. Tương tự, khi một người làm đặc phái viên cho một ông vua mà không có sự ủy quyền riêng, người đó sẽ làm tổn thương đến người mà ông đại diện (*ông vua*).

Phương tiện bất xứng còn được thể hiện khi người ta dùng các lễ tế bên ngoài và những hành vi phụng vụ thay thế lòng tuân phục và sùng kính của con người đối với Thiên Chúa. Nghĩa là, người tín hữu coi Thiên Chúa như một đấng quân vương trên trời đang đòi nợ con người dưới hình thức là những lễ tế và các việc thờ phượng khác. Người ta coi chúng như một

⁶² THOMAS D’AQUINO, *Summa theologiae*, II-II,93,1. Cfr. THOMAS PAZHAYAMPALLIL (SDB), *Pastoral Guide*, vol. II: Sacraments and Bioethics, 2004⁴, số 14.

⁶³ Cfr. AIMÉ GEORGES MARTIMOT, *The Church at prayer. Introduction to the Liturgy*, Shannon 1968, 212.

⁶⁴ SC 22§1.

⁶⁵ OR (07/07/1977) 2 (*bản tiếng Anh*).

thứ thuế phải trả cho Thiên Chúa. Một khi trả «*thuế*» xong, con người cảm thấy được tự do muốn làm gì thì làm.

Đây là hình thức sùng bái đã bị các tiên tri Cựu ước chỉ trích cách mạnh mẽ:

«Lễ lạt của các người, ta chán ghét khinh thường; hội hè của các người, ta chẳng hề thích thú. Các người có dâng lên Ta của lễ toàn thiêu... những lễ vật của các người, Ta không vui nhận, chiên bò béo tốt các người đem hiến tế, ta chẳng đoái hoài. Hãy dẹp bỏ tiếng hát om sòm của người, Ta không muốn nghe tiếng đàn của người nữa. Ta chỉ muốn lễ phải như nước tuôn trào, cho công lý như dòng suối không bao giờ cạn» (Am 5,21-24; cfr. Is 1,11-17; Gr 7,21-26).

2.3.1.1.3. Phương tiện xấu tự bản chất

Những phương tiện xấu tự bản chất, ví dụ tế hiến người. Đó là điều bất xứng đối với Thiên Chúa. Thiên Chúa đã nói rằng: «*giữa anh em không được thấy ai làm lễ thiêu con trai hoặc con gái mình*» (Đnl 18,10), vì:

«Lễ tế phải diễn tả lòng sùng kính của chính con người; do đó lễ tế phải là một cái gì đó của chính con người. Trong khi đó, sinh mạng của một người không thuộc quyền ai cả. Vì thế, không ai được phép lấy mạng người làm lễ tế biểu lộ lòng sùng kính của mình» (cfr. Đnl 18,10; Gr 32,34tt; Ed 20,30tt; 23,37-39)⁶⁶.

Những phương tiện xấu tự bản chất còn được kể đến là những việc làm và nghi thức bộc lộ các đam mê dục vọng của con người, hoặc là dịp để con người thỏa mãn những khát vọng lạc thú, tiêu khiển, uy thế và những gì tương tự, thay cho việc tôn kính Thiên Chúa và biểu lộ lòng kính sợ của con người đối với Thiên Chúa. Ví dụ như việc làm đi trong phụng tự thường thấy ngày xưa, hoặc những cuộc rước mang tính vũ hội hơn là tôn giáo, mà cho đến gần đây vẫn còn thấy ở một số nơi⁶⁷.

2.3.1.1.4. Phương tiện hư vô

Những phương tiện hư vô, như khi một người đặt sức mạnh và sự hoàn hảo của việc tôn thờ trong một vài nghi thức hay một vài hoàn cảnh không xấu tự bản chất, nhưng nơi đó không có những sức mạnh hay sự hoàn hảo của việc tôn thờ, ví dụ: một người chỉ quan trọng về thời gian cầu nguyện, điệu bộ, mà không có tâm tình bên trong...⁶⁸.

Dùng một phương tiện xấu tự bản chất, luôn là một tội nặng. Nếu những phương tiện chỉ là hư vô, việc tôn thờ chỉ là tội nhẹ vì hầu như không làm tổn thương đến Thiên Chúa.

2.3.1.2. Những việc đạo đức hơi có tính ma thuật

Thuộc về loại này là những hình thức và kinh nguyện nào được gán cho những hiệu quả rất đặc biệt, khi được cử hành theo đúng các quy định và được lặp lại đúng số lần đòi

⁶⁶ KARL H. PESCHKE (SVD), *Etica cristiana. Teologia morale alla luce del Vaticano II*, vol. II: teologia morale speciale, Pontificia Università Urbaniana, Roma 1985, 135.

⁶⁷ Cfr. KARL H. PESCHKE (SVD), *Etica cristiana. Teologia morale alla luce del Vaticano II*, vol. II: teologia morale speciale, Pontificia Università Urbaniana, Roma 1985, 135.

⁶⁸ Cfr. THOMAS PAZHAYAMPALLIL (SDB), *Pastoral Guide*, Vol. I: Fundamental moral theology and virtues, Rekha Printers Private Limited, New Delhi 2004⁴, số 397,

buộc. Ví dụ những kinh và nghi thức được dùng để trừ bệnh của con người và loài vật, hay để đem lại thành công trong kinh doanh hoặc để giành được tình cảm của ai đó... Những hiệu quả rút ra từ đó là kết quả của một sức mạnh huyền bí nào đó nội tại trong các nghi thức và các kinh nguyện ấy. Họ dựa vào những việc đạo đức để làm những chuyện huyền bí, và đã đem Thiên Chúa ra đánh đố với tương lai con người.

«Một số công thức, thường rất lối bịch, cần phải được lặp lại đủ số lần đã định để có hiệu quả không sai sót đối với một số bệnh (*như để cầm máu, chữa lành vết thương, diệt nọc độc rắn...*). Một trong những điều kiện để các công thức này có hiệu quả là phải biết giữ bí mật công thức, không cho người khác biết»⁶⁹.

Cần phân biệt những việc tôn giáo hơi có tính ma thuật với ơn chữa bệnh bằng cách kêu cầu danh Chúa hay danh Đức Kitô, như thánh Phaolô đã nói (*cf. 1Cr 12,28-30*), xuất phát từ lòng tin tưởng thật sự vào Thiên Chúa.

Đôi khi người ta cũng hy vọng nhận được những hiệu quả tích cực từ việc sử dụng thuẫn tủy máy móc những đồ vật thánh, như ảnh thánh hay thánh tích, khi đụng chạm đến, áp lên người tín hữu, đeo vào cổ, khâu vào áo. Có lúc người ta còn nuốt các vật thánh nhỏ bé. Người ta gán cho hình ảnh hay thánh tích những quyền năng đặc biệt, không liên hệ với Chúa và các thánh, là những ngôi vị mà mà các vật kia phải hướng tới và ta phải cung kính tôn thờ. Sai lầm ở chỗ ta đã tin cậy vào hiệu năng của chính các vật đó, thay vì chú ý đến việc tôn thờ Thiên Chúa tận trong lòng.

Chắc chắn những thực hành hơi có tính ma thuật nói trên gây thiệt hại cho sự thờ phượng chân chính và làm suy yếu lòng tin nơi người tín hữu và do đó có tội. Đó là những thực hành thiếu logic, hàm hồ lẫn lộn, tạo ra nhiều điều chướng tai gai mắt. Tuy nhiên, nhiều khi tín hữu không biết tới sự lẫn lộn ấy và bởi thiếu hiểu biết, tội của họ có thể được giảm bớt. Ngoài ra, xét cho cùng, trong các việc thực hành đó không phải là không gói ghém lòng sùng kính thật sự. Do đó, vị linh mục khôn ngoan sẽ ý tứ, không bắt xóa sạch những dấu vết của lòng đạo đức thật sự cùng với lạm dụng của họ. Ngài nên tìm cách chỉ dạy và soi sáng cho những người còn bám chặt vào những hình thức thờ phượng sai lạc, đồng thời giúp họ đào sâu lòng đạo đức thật còn sót lại nơi họ.

Các linh mục đôi khi lại rơi vào hướng ngược lại: vì nhìn tôn giáo một cách quá thiêng liêng nên đã coi nhẹ những khát vọng và nhu cầu chính đáng của con người đối với các biểu tượng và các nghi thức bên ngoài. Từ đó, các ngài vô tình tạo ra một sự trống rỗng, mở cửa cho các hình thức còn thô thiển hơn xâm nhập vào⁷⁰.

2.3.2. Tôn thờ các thụ tạo

Tôn thờ các thụ tạo bằng cách thờ phượng và đạt được một điều gì đó từ chúng. Đây là một hành động *kiêng giữ cách vô lý; thờ ngẫu tượng; bói toán; ma thuật và phù thủy; thôi miên; chiêu hồn và thần thông*.

⁶⁹ BERNHARD HARING, *Le legge di Cristo*, vol. II: morale speciale: vita in comunione con Dio e col prossimo, Brescia Morcelliana Editrice 1972, 251.

⁷⁰ Cfr. KARL H. PESCHKE (SVD), *Etica cristiana. Teologia morale alla luce del Vaticano II*, vol. II: teologia morale speciale, Pontificia Università Urbaniana, Roma 1985, 132-134.

2.3.2.1. *Kiêng giữ cách vô lý*

Cần phân biệt bói toán và một chuỗi những hình thức khác là kiêng giữ cách vô lý. Kiêng giữ cách vô lý gồm hai yếu tố là *kiêng cách vô lý* và *giữ cách vô lý*. Kiêng cách vô lý là không nói hay không làm một điều nào đó vì sợ điều xấu xảy ra cho mình hay cho người khác. Giữ cách vô lý là nói hay làm một điều nào đó cách vô lý mà không dựa trên một cơ sở vững chắc nào.

2.3.2.1.1. *Kiêng cách vô lý*

Kiêng cách vô lý là theo dõi một số dấu hiệu và hoàn cảnh vì những lý do không có giá trị. Ví dụ sợ mèo đen băng qua đường, coi đó như một điềm đem lại rủi ro; sợ con số 13 như một điềm xấu; hay chọn ngày xui ngày hên để thực hiện một việc nào đó. Chẳng hạn người Ấn độ coi thứ tư là ngày xui nhất trong tuần và ngày thứ sáu được người xưa cho là ngày may mắn nhất. Thế nhưng, đến thời kitô giáo, vì là ngày Đức Kitô chịu chết, nên thứ sáu trở thành ngày xui. Thứ ba và thứ năm được kể là ngày hên.

Chúng ta biết rằng, ngay từ đầu sáng tạo, qua mỗi lần sáng tạo, Thiên Chúa đều nói: «*Thiên Chúa thấy thế là tốt đẹp*» (St 1,10; 1,4; 1,12; 1,18; 1,21; 1,24; 1,31). Nghĩa là không có gì xấu trong những công trình tạo dựng của Thiên Chúa, vì thế cũng không có con số xấu, ngày đẹp ngày xấu. Việc kiêng khem những đồ vật, con vật hay ngày tháng đều không có một cơ sở khoa học nào. Dưới con mắt đức tin, chúng ta xem tất cả những điều Thiên Chúa tặng ban đều là hồng ân Chúa, và không có gì sinh ra chỉ để làm hại con người, vì trong công trình tạo dựng, mọi sự vật được biến chuyển để sinh ích cho nhau, và tô điểm vũ trụ ngày càng xinh đẹp. Chúng ta cũng cần nắm vững quy luật sinh tồn này là: có ngày sinh ắt có ngày tử. Không ai và không sự vật nào đứng yên một chỗ, nhưng tất cả đều phát triển theo một quy luật do Thiên Chúa thiết định.

Do đó, việc hên xui của một người dựa theo những thay đổi màu lông mèo hay nhịp luân chuyển thời gian để quyết định số phận con người là một việc làm hàm hồ và muốn thay thế Thiên Chúa để quyết định số phận mình. Mạc Khải của Thiên Chúa không bao giờ quyết định sự vật, con vật hay ngày nào là không tốt cho con người. Vì thế, người có đức tin cần nhận ra nơi các thụ tạo ý muốn Thiên Chúa, để tất cả đưa đến cứu cánh đích thực là sự tốt lành, trọn hảo của Thiên Chúa, Đấng đã cho «*mặt trời của Người mọc lên soi sáng kẻ xấu cũng như người tốt, và cho mưa xuống trên người công chính cũng như kẻ bất chính*» (Mt 5,45). Vì thế, tất cả đều hưởng ơn cứu độ qua các thụ tạo Chúa ban cho con người.

2.3.2.1.2. *Giữ cách vô lý*

Giữ cách vô lý có thể được định nghĩa như một hình thức mê tín, nơi đó người ta dùng một số vật không có giá trị, không thích hợp để đạt được một số ân huệ. Ví dụ: một người mang bùa để tránh tà ác, hay một người lặp đi lặp lại một vài con số chỉ thời gian với một công thức lố lăng, để đạt được một vài biện pháp trong việc chữa các vết thương, làm ngưng chảy máu, để rút nọc độc rắn cắn. thậm chí, sao chép «*hàng loạt lời cầu nguyện*» là giữ cách vô lý. Thường người ta nguyện rửa những người từ chối sử dụng nó, hay người không đọc lời nguyện đó hoặc người làm hỏng việc sao chép và chuyển giao cho người khác.

Sử dụng hoàn toàn các đối tượng tôn giáo (*hình ảnh, hài cốt thánh được đeo trên cổ hoặc may trên quần áo hay nướn*), mà không được cảm hứng bởi lòng đạo bên trong và tin tưởng vào Thiên Chúa và trong việc cầu thay nguyện giúp của các thánh, sẽ gây nên sự nản

lòng⁷¹. Điều vô lý và ngớ ngẩn của những thói quen này chứng tỏ sự nông cạn về đức tin đối với Thiên Chúa. Thay vì hết lòng về với Thiên Chúa, khi gặp bất hạnh, người ta lại cầu cứu những thứ ngớ ngẩn đó để xin giúp đỡ.

Tuy nhiên, chúng ta cần chú ý rằng, vì là con người có hồn xác, nên con người dễ dàng thể hiện những tình cảm sâu kín bên trong ra bên ngoài. Tượng, tranh, ảnh... của Chúa trình bày nhân tính của Chúa Giêsu, con người lịch sử của Ngài. Đó là những dấu hiệu có khả năng khuyến khích những hành động đức tin. Chúng giúp con người vươn tới những thực tại vô hình. Chính vì lý do đó mà trong các nhà thờ, người ta trưng bày những tượng, tranh, ảnh, và những tượng, tranh, ảnh này không thuộc về việc giữ vô lý⁷². Cũng không được xem thường mối nguy hiểm việc tôn kính các thánh và các ảnh tượng các ngài mà không tôn thờ Thiên Chúa trong tinh thần và chân lý, hay việc tưởng nhớ các thánh mà tách rời Thiên Chúa ra khỏi tâm hồn người tín hữu⁷³.

Trong mối liên kết này, chúng ta nhớ rằng, các bí tích không phải quyền lực của ma thuật, các bí tích là quà tặng của Thiên Chúa ban cho Giáo hội. Trong các bí tích, Thiên Chúa gặp gỡ con người. Thiên Chúa ban ân sủng cho con người và con người được tự do đón nhận. Như vậy, trong các bí tích, sáng kiến là do Thiên Chúa. Trái lại, trong các điều giữ vô lý, sáng kiến là do con người.

Tóm lại, thần học luân lý luôn phản đối những kiểu kiêng giữ mê tín trên. Các thủ bản truyền thống còn đưa ra lời phê phán rất nặng nề về việc này. Vì tất cả sự kiêng giữ vô lý ấy đi ngược lại phẩm giá của đức tin đối thần và lý trí lành mạnh. Thậm chí chúng còn bị phê phán nghiêm khắc tới mức bị coi là tội nặng, nhưng thường đó chỉ là tội nhẹ, hay đôi khi chỉ là những khuyết điểm, vì

«do nhút nhát sợ hãi không biết lập luận, không dám bỏ qua những tập tục phi lý, nhất là khi chúng đã được phổ biến. Đúng hơn, đó chỉ là do yếu đuối không thể không bắt chước và làm theo người khác»⁷⁴.

Tuy nhiên, nếu việc kiêng giữ đủ thứ điềm lành điềm dữ, cũng như việc sử dụng đủ loại vật hộ mệnh trở thành một hệ thống khống chế toàn bộ đời sống con người, biến việc tin tưởng vào Thiên Chúa, cầu nguyện và tham dự các bí tích trở thành việc thứ yếu hay thậm chí không có giá trị gì, thì không thể không coi lối sống mê tín ấy là tội nặng.

2.3.2.2. Ngẫu tượng

Chúng ta xét về hai trường hợp phổ biến của việc thờ ngẫu tượng là *tôn thờ ngẫu thần* và *thờ cúng tổ tiên*.

2.3.2.2.1. Tôn thờ ngẫu thần

⁷¹ Cfr. THOMAS D'AQUINO, *Summa theologiae*, II-II,93,2.

⁷² Cfr. «A theology of medals» in *Christ to the World* 23 (1978) 13.

⁷³ BỘ THÁNH VỤ, *68 proposizioni condannate* (28/08/1687), số 18: DZ 2218 và INNOCENTÔ XI, *Costituzione Caelestis Pastor* (20/11/1687), số 36: DZ 2236.

⁷⁴ BERNHARD HARING, *Le legge di Cristo*, vol. II: *Morale speciale: vita in comunione con Dio e col prossimo*, Brescia Morcelliana Editrice 1972, 269.

Ngẫu thần bắt nguồn từ «*latria idoli*», nghĩa là việc thờ phượng dành cho các thần tượng. Thần tượng này nghĩa là thần minh giả tạo được thờ phượng hay một vài đối tượng có thể nhận thức được, nơi đó thần minh được giải thích hay đại diện thần minh⁷⁵.

«Thờ ngẫu tượng là tình trạng cảm thức tôn giáo vốn bẩm sinh nơi con người bị suy đồi. Kẻ thờ ngẫu tượng “*gán ý niệm về Thiên Chúa bất diệt cho bất cứ thứ gì không phải là Thiên Chúa*”⁷⁶»⁷⁷.

Hình thức cực đoan nhất của tội tể tự sai lạc chính là thờ phượng và tôn thờ những thần minh giả tạo, những thụ tạo thuần túy, ma quỷ. Để chống lại thói tục phi nghĩa ấy, trong giới răn thứ nhất, Thiên Chúa đã ra lệnh phải dứt khoát gạt bỏ bất cứ thần thánh nào bên cạnh Người: «*ngươi không được có thần nào khác ngoài ta*» (Xh 20,3).

Thờ phượng đủ thứ thần mang bản chất tốt hay xấu là một hiện tượng tôn giáo khá phổ biến. Các tôn giáo của Đông phương thời xưa, của Hy Lạp và Rôma, những tôn giáo Cựu ước và Tân ước đã đối đầu, đều là những đạo đa thần. Nói chung, nguyên nhân đưa tới việc thờ nhiều thần như thế, không phải do người ta cố tình phản bội Chúa mà do người ta không biết. Do đó, việc thờ ngẫu thần thường không do tội cá nhân. Tuy nhiên, khách quan mà xét, đa thần giáo là một sai lầm và lệch lạc, cần khai trừ và khắc phục. Kinh thánh thường xuyên lên tiếng cảnh cáo hiểm họa thờ ngẫu tượng và mạnh mẽ chống lại điều đó (cfr. St 35,2-4; Gs 24,14-23; Tl 2,11-14; Gr 32,29-36; 1Cr 10,14; 1Ga 5,21; Kh 21,8;...).

«Điều răn thứ nhất lên án thuyết đa thần, buộc con người không được tin vào thần nào khác ngoài Thiên Chúa, không được tôn kính các thần linh nào khác ngoài Thiên Chúa duy nhất. Thánh kinh luôn nhắc lại việc từ bỏ các ngẫu tượng “*bằng vàng, bằng bạc do tay người làm ra*”, “*có miệng mà không nói được, có mắt mà không thấy được... Các ngẫu tượng là hão huyền nên ai thờ ngẫu tượng sẽ trở thành hão huyền, kẻ làm ra hoặc tin ở tượng thần cũng giống như chúng vậy*” (Tv 115,4-5.8; cfr. Is 44,9-20; Gr 10,1-16; Đn 14,1-30; Br 6; Kn 13,1-15). Ngược lại, Thiên Chúa là “*Đấng hằng sống*”, Đấng làm cho sống (cfr. Gs 3,10; Tv 42,3...) và can thiệp vào lịch sử»⁷⁸.

Thờ ngẫu tượng có thể là một hiện tượng dựa trên quan niệm *nhị nguyên* về thế giới. Bên cạnh một Thiên Chúa tốt lành, còn có một thần dữ, đối thủ của Thiên Chúa. Để làm dịu lòng và mua thiện cảm của thần dữ, con người cần phải bái lạy và dâng lễ tế. Lập luận ấy thường nấp đằng sau khuynh hướng thờ ngẫu tượng ở Israel. Dù vẫn theo Giavê, họ cũng thờ cúng các thần thánh tại chỗ vì các vị này có thể cũng có mặt và có đủ quyền phép để làm hại họ. Tuy nhiên, Kinh thánh đã phủ nhận giá trị của kiểu lập luận ấy. Dù nhìn nhận các sức mạnh độc ác, đặc biệt là nhìn nhận ma quỷ là có thật, nhưng Kinh thánh cho rằng chúng hoàn toàn nằm dưới quyền thống trị của Thiên Chúa. Dù chúng có được ban cho quyền lực thế nào đi nữa, phương thế để đương đầu với các sức mạnh ấy vẫn không bao giờ là thờ phượng, cúng tế, mà chỉ là ăn ngay ở lành, cầu nguyện, ăn chay, hy sinh, hãm mình... (cfr. Mt 17,21).

Người ta phân biệt *ngẫu thần xưa* và *ngẫu thần nay*.

⁷⁵ Cfr. ALPHONSUS VAN KOL, *Theologia Moralis*, vol. I, Barcinone, Herder 1968, 19.

⁷⁶ ORIGÈNE, *Odeis* 2,40.

⁷⁷ GLCG 2114.

⁷⁸ GLCG 2112.

2.3.2.2.1.1. Ngẫu thần ngày xưa

Ngày xưa, ngẫu thần được phân biệt thành *ngẫu thần giả* và *ngẫu thần thật*. *Ngẫu thần giả* dành cho dấu hiệu bên ngoài của việc thờ phượng, vì họ biết rằng các thần tượng này là những thần minh giả. Ví dụ trường hợp người ta sợ các thần giả chết, mặc dù tự thâm tâm họ không tin chúng.

Ngẫu thần thật khi người ta suy nghĩ chắc chắn (*cả bên trong lẫn bên ngoài*) dành cho việc tôn thờ các thụ tạo. Ví dụ người ta nhận được một vài sự giúp đỡ của ma quỷ, tôn thờ ma quỷ. Thánh Phaolô có nói về các ngẫu thần khi viết:

«Tuy biết Thiên Chúa, họ đã không tôn vinh hay cảm tạ Người cho phải đạo. Trái lại, đầu óc họ suy nghĩ viển vông và tâm trí ngu si của họ hóa ra mê muội. Họ khoe mình khôn ngoan, nhưng đã trở nên điên rồ. Thay vì Thiên Chúa vinh quang bất tử, họ đã thờ hình tượng người phàm là loài phải chết, hay hình tượng các loài chim chóc, thú vật, rắn rết. Vì thế, Thiên Chúa đã để mặc họ buông theo dục vọng mà làm những điều ô uế, khiến thân thể họ ra hư hèn. Thay vì Thiên Chúa thật, họ đã theo những thần giả, họ đã tôn thờ những loại thụ tạo, thay vì chính Đấng Tạo Hóa. Chúc tụng Người đến muôn thuở muôn đời» (*Rm 1,21-25*).

Trong lịch sử nhân loại, tội thờ ngẫu thần luôn xảy ra khi người ta lãng quên Thiên Chúa, vì thế, các thần tượng được chế tạo để thay thế Thiên Chúa:

«Chúng đã đúc một con bê, rồi sụp xuống lạy nó, tế nó và nói: “*hỡi Israel, đây là thần của người đã đưa người lên từ đất Ai Cập*”. Đức Chúa lại phán với ông Môsê: Ta đã thấy dân này rồi, đó là một dân cứng đầu cứng cổ. Bây giờ cứ để mặc Ta, cứ để cơn thịnh nộ của Ta bùng lên phạt chúng» (*Xh 32,8-10*).

2.3.2.2.1.2. Ngẫu thần ngày nay

Hình thức xưa của ngẫu thần không phải đến nay đã hết hẳn, nhưng còn tiềm ẩn đâu đó dưới nhiều hình thức. Ngày nay, ngẫu thần được biến tướng thành nhiều loại. Trước hết, *các thụ tạo trần gian* đã từng được đặt làm đối tượng để thờ phượng. Không những các hoàng đế thường được người ta thần thánh hóa, mà cả các nhân vật nổi bật nữa. Thậm chí các loại thụ tạo như thú vật, cây cối, gỗ đá... cũng được thờ cúng. Ta không dễ quyết đoán các thụ tạo ấy có được coi là thần minh thật sự hay chỉ là hiện thân của thần minh hoặc chỉ là những biểu tượng và vật thánh. Nhưng dù sao đi nữa, chúng cũng là một phần trong các đạo thờ ngẫu tượng, không xứng đáng với con người nên cần phải dẹp bỏ.

Thứ đến, với một dân tộc tha hóa và xa lìa Thiên Chúa và xa lìa việc thờ phượng đích thật, họ bám víu vào những thói quen sùng bái như một sự thay thế cho việc thờ phượng đích thực. Ví dụ việc tôn thờ các «*ngôi sao phim ảnh*» hoặc «*ngôi sao thể thao*». Tôn thờ sức khỏe, quá quan tâm đến sức khỏe thể xác, đến thiên đường trần gian trong một xã hội không còn giai cấp và bận tâm về khoa học như giải thích mặt trời và các thực tại mặt trời. Tất cả những điều này làm cho con người xa lạ với một Thiên Chúa quyền năng. Ma túy, tình dục... được sử dụng trong một xã hội hiện đại tục hóa, điều này không quá khác với các thần minh và tiền bạc, rượu chè và tình dục nơi dân ngoại.

Vì lẽ đó, Kinh thánh cũng gọi là thờ ngẫu tượng khi ta nâng các giá trị trần gian lên thành những điều thiện tối hậu. Kinh thánh gọi những người suy tôn tiền bạc, lạc thú và

những sự vật trần gian tương tự là những tín đồ của đạo thờ ngẫu tượng (cfr. Mt 6,24; Ep 5,5; Pl 3,19; Cl 3,5). Loại ngẫu tượng này là mối nguy hiểm lớn nhất trong nền văn minh hiện nay của chúng ta: thờ lạy sự giàu sang, sự tiến bộ về vật chất, quyền hành... Khi đã bỏ Chúa và hoàn toàn ngụp lặn trong những gì là trần gian, vật chất và xác thịt, con người sẽ đội hào quang thần thánh lên đầu các giá trị thụ tạo ấy, hiến dâng cả đời mình cho chúng, và như thế một lần nữa phản bội lại bản tính mình, vốn đã mang tính tôn giáo.

Giáo hội đã lên án cách rõ ràng việc thờ ngẫu tượng này:

«Thờ ngẫu tượng là tôn thờ và kính bái một thụ tạo thay vì Thiên Chúa, cho dù đó là thần linh hay ma quỷ (ví dụ: giáo phái thờ Satan), quyền lực, khoái lạc, chủng tộc, tổ tiên, nhà nước, bạc tiền... Đức Giêsu dạy: “*anh em không thể vừa làm tôi Thiên Chúa, vừa làm tôi tiền của được*” (Mt 6,24). Rất nhiều vị tử đạo đã chết vì không chịu thờ phượng “*Con Thú*” (cfr. Kh 13-14) dù chỉ giả vờ thôi. Ai thờ ngẫu tượng là mặc nhiên không nhìn nhận Thiên Chúa là chúa tể duy nhất, nên không thể thông hiệp với Thiên Chúa (cfr. Ga 5,20; Ep 5,5)»⁷⁹.

Ngoài ra, còn kể đến tội thờ ngẫu tượng khi con người có thể là nguyên nhân dẫn đưa chính mình tới việc tôn thờ ngẫu tượng, ví dụ đời sống tội lỗi, bỏ bê hay sao lãng các việc tôn giáo...

«Con người, nếu tin vào sức mạnh bản thân, như con người đặt trong định mệnh của cái chết, và trần gian đem lại cho con người chỉ những viễn ảnh về sự chết: ma túy, bạo lực, khủng bố, chuyên chế và chủ nghĩa tiêu thụ của tất cả các loại đối nghịch với sự sống, tình yêu, bình an, niềm vui, sự thật, tôn trọng phẩm giá con người. Đó là những điều xuất phát từ niềm tin vào Thiên Chúa và từ những kitô hữu biết dẫn thân»⁸⁰.

Tuy nhiên, nhiều người không phải kitô hữu trong khi tôn thờ các thần tượng, đã tôn thờ một Thượng đế tối cao, Đấng mà họ tin và các thần tượng đại diện cho Đấng đó hay Đấng đó hiện diện nơi họ.

Công đồng Vaticanô II đã nói:

«Ngay từ thời cổ đại cho đến cả đến thời hiện đại ngày nay, nơi nhiều dân tộc khác nhau, vẫn có một cảm nhận nào đó về một quyền lực tàng ẩn trong những biến chuyển của vạn vật và trong các biến cố của đời người, hơn nữa, đôi khi cũng thấy xuất hiện quan niệm về một Đấng Thượng đế tối cao hoặc ngay cả nhận thức về một người cha. Cảm nhận và quan niệm đó đã đi vào cuộc sống các dân tộc qua cảm thức sâu xa về tôn giáo»⁸¹.

Ngày xưa, thánh Phaolô dường như rất quý mến dân thành Athènes khi nói:

«Đứng giữa Hội đồng Arêôpagô, ông Phaolô nói: thưa quý vị người Athena, tôi thấy rằng, về mọi mặt, quý vị là người sùng đạo hơn ai hết. Thật vậy, khi rảo quanh thành phố và nhìn lên những nơi thờ phượng của quý vị, tôi đã

⁷⁹ GLCG 2113.

⁸⁰ GIOAN PHAOLÔ II, *Discorso ai giovani a Cassino* (20/09/1980), số 2: www.vatican.va/holy_father/john_paul_ii/speeches/1980/september/documents/hf_jp-ii_spe_19800920_giovani-cassino_it.html.

⁸¹ NA 2.

thấy có cả một bàn thờ, trên đó khắc chữ: “*kính thần vô danh*”. Vậy Đấng quý vị không biết mà vẫn tôn thờ, thì tôi xin rao giảng cho quý vị» (Cv 17,22-23).

Tóm lại, tất cả việc thờ ngẫu thần (*xưa và nay*) là tội nặng bởi bản tính của nó, vì sự công chính của Thiên Chúa trái nghịch với các loài thụ tạo, và việc tôn thờ sự tuyệt đối và tối cao của Thiên Chúa không thể dành cho bất cứ một loài thụ tạo nào.

«Người không được có thần nào khác đối nghịch với ta. Người không được tạc tượng, vẽ hình bất cứ vật gì ở trên trời cao, cũng như dưới đất thấp, hoặc ở trong nước phía dưới mặt đất, để mà thờ. Người không được phủ phục trước những thứ đó mà phụng thờ: vì Ta, Đức Chúa, Thiên Chúa của người, là một vị thần ghen tương. Đối với những kẻ ghét Ta, Ta phạt con cháu đến ba bốn đời vì tội lỗi của cha ông» (Xh 20,3-5).

Thiên Chúa kết án những ai không nhìn nhận Thiên Chúa và lên án việc tôn thờ ngẫu tượng:

«Hết những ai không chịu nhìn nhận Thiên Chúa, tự bản chất là những kẻ ngu si, từ những vật hữu hình tốt đẹp, chúng không đủ khả năng nhận ra Đấng hiện hữu, và khi chiêm ngắm bao công trình, chúng cũng không nhận biết Đấng tạo hóa... Khốn ai đặt hy vọng vào những vật không hồn, ai tôn làm thần minh những sản phẩm tay con người chế tạo: đó là những con thú bằng bạc bằng vàng do những người tài nghệ làm ra, hay những khối đá vô tích sự, sản phẩm của những bàn tay khéo léo thuở nào» (Kn 13,1 và 10).

Nhiều bản văn Kinh thánh đã kết án mạnh mẽ tội thờ ngẫu tượng:

«Người không được phủ phục trước các thần của chúng, cũng đừng phụng thờ các thần ấy; người không được làm theo các việc chúng làm, nhưng phải phá hủy đền thờ của chúng và đập vỡ các trụ đá của chúng» (Xh 23,24; cfr. Xh 34,14; Lv 19,4; Đnl 4,15-19; 5,7-9; Gs 24,14; 1Sm 7,3; Tv 81,10; 97,7; 135,15-18; Is 40,18-20; 44,10tt; Gr 10,1-16; Dt 10,4; 1Cr 6,9-10; Gl 5,20; Kh 21,8).

Việc kết án cách nghiêm khắc việc thờ ngẫu tượng được áp dụng cho dân được tuyển chọn vì họ là dân đã đón nhận mạc khải của Thiên Chúa. Thiên Chúa đã ký kết giao ước với họ. Hơn nữa, bằng những hình phạt nghiêm khắc, Thiên Chúa muốn gìn giữ dân Israel của Ngài tránh xa ảnh hưởng các dân ngoại đang thờ các ngẫu thần. Thiên Chúa muốn bảo vệ dân Ngài trong đức tin và tôn thờ một Thiên Chúa chân thật.

Việc kết án tương tự áp dụng cho các kitô hữu là những người sau khi đón nhận hồng ân đức tin, họ phải từ bỏ việc tôn thờ các ngẫu tượng⁸².

2.3.2.2.2. Thờ cúng tổ tiên

Trong hầu hết các trường hợp, không có việc tôn thờ ngẫu tượng trong việc thờ cúng tổ tiên được thực hiện ở Trung Quốc và Việt Nam. Ngày nay các giám mục Trung Quốc cho phép người tín hữu đặt một bàn nhỏ có chứa bài vị gần bàn thờ trong nhà thờ để tưởng nhớ người chết. Sau thánh lễ, hai cây nến đỏ được thắp sáng ở bàn nhỏ này, các tín hữu xông

⁸² Vào thời Giáo hội sơ khai, tội thờ ngẫu tượng là một trong ba tội trọng làm cho người tín hữu khó có thể lãnh nhận các bí tích. Trong Cựu ước, đó là tội có kèm theo hình phạt nặng.

hương và dâng rượu cách tượng trưng. Người công giáo cúi đầu ba lần trước bàn này để tỏ lòng kính trọng người chết.

Nói về trường hợp Việt Nam, sau mấy trăm năm tranh cãi về nghi thức Trung Hoa kể từ Tông hiến *Ex Illa Die* (19/03/1715) của Đức Giáo hoàng Clementê XI, rồi chỉ dụ *Ex Quo Singulari* (11/07/1742) và sắc lệnh *Omnium sollicitudinum* (12/09/1744) của Đức Giáo hoàng Bênêđictô XIV, cấm ngặt lễ nghi đối với tổ tiên. Mãi đến đời Đức Giáo hoàng Piô XII, Thánh bộ Truyền giáo mới công bố huấn thị *Plane Compertum Est*⁸³ (08/12/1939), trong đó, Thánh bộ Truyền giáo cho biết, không những được phép, mà còn phải được khuyến khích thực hành lễ nghi tôn kính tổ tiên như lễ Gia tiên cho các nước Nhật, Mãn Châu, Trung Hoa.

Ngày 20/10/1964, Tòa thánh đã chấp nhận bản đệ trình của Hội Đồng Giám Mục Việt Nam về *Lễ nghi tôn kính tổ tiên* theo tinh thần Huấn thị *Plane Compertum Est*. Sau đó, Hội đồng Giám mục miền Nam Việt Nam đã ban hành *Thông Cáo về việc tôn kính ông bà tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sỹ* (14/06/1965), nhằm xác định những cử chỉ, thái độ và lễ nghi có tính cách thế tục, lịch sự xã giao, để tỏ lòng hiếu kính, tôn kính và tưởng niệm các tổ tiên và anh hùng liệt sỹ, được thi hành và tham dự cách chủ động. Sau đó, Hội đồng Giám mục miền Nam Việt Nam đã giải thích rõ cách cụ thể trong *Thông cáo về lễ nghi tôn kính ông bà tổ tiên* (14/11/1974). Ở đây chúng tôi chỉ nêu một thông cáo của năm 1974.

THÔNG CÁO CỦA CÁC ĐỨC GIÁM MỤC VỀ LỄ NGHI TÔN KÍNH ÔNG BÀ TỔ TIÊN⁸⁴

Chúng tôi, các Giám mục chủ tọa khoá hội thảo VII về Truyền bá Phúc âm toàn quốc, tại Nha Trang từ ngày 12-14 tháng 11 năm 1974, đồng chấp thuận cho phổ biến và thi hành trong toàn quốc, những quyết nghị của Ủy ban Giám mục về Truyền bá Phúc âm ngày 19 tháng 4 năm 1972, chiếu theo Thư chung của Hội Đồng Giám mục Việt Nam ngày 14/06/1965, về các lễ nghi tôn kính Ông bà Tổ tiên như sau:

Để đồng bào lương dân dễ dàng chấp nhận Tin mừng, hội nghị nhận định: «những cử chỉ, thái độ, lễ nghi (sau đây) có tính cách thế tục, lịch sử, xã giao, để tỏ lòng hiếu thảo, tôn kính và tưởng niệm các tổ tiên và các bậc anh hùng liệt sỹ, nên được thi hành và tham dự cách chủ động» (Thông cáo Hội Đồng Giám Mục Việt Nam, ngày 14/06/1965).

1. Bàn thờ Gia tiên để kính nhớ ông bà tổ tiên được đặt dưới bàn thờ Chúa trong gia đình, miễn là trên bàn thờ không bày biện điều gì mê tín dị đoan, như Hồn-bạch⁸⁵...

2. Việc đốt nhang hương, đèn nến, trên bàn thờ gia tiên và vái lạy trước bàn thờ, giường thờ tổ tiên, là những cử chỉ thái độ hiếu thảo tôn kính, được phép làm.

⁸³ Cfr. THÁNH BỘ TRUYỀN GIÁO, Huấn thị *Plane Compertum Est* (08/12/1939): AAS 32 (1940) 24-26.

⁸⁴ HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC MIỀN NAM VIỆT NAM, *Quyết nghị về lễ nghi tôn kính ông bà tổ tiên* (14/11/1974): www.ubmvgiadinhh.org/?open=contents&display=2&id=1440 (20/10/2011).

⁸⁵ Theo tập tục xưa, trước khi có người tắt thở, người thân lấy 7 mét vải trắng đặt lên ngực để đón hơi thở (*linh hồn người chết*) vào đó. Khi chết, người ta lấy tấm vải đó kết thành hình người gồm đầu, hai tay và hai chân. Sau khi nhập quan, người ta đặt hình nộm đó lên giường thờ và người ta tin là hồn người chết ở trong đó, gọi là *hồn bạch* (*chú thích của người viết*).

3. Ngày giỗ cũng là ngày «kỵ nhật», được «cúng giỗ» trong gia đình theo phong tục địa phương, miễn là loại bỏ những gì là dị đoan mê tín, như đốt vàng mã..., và giảm thiểu, canh cải những lễ vật để biểu dương đúng ý nghĩa thành kính biết ơn ông bà, như dâng hoa trái, hương đèn.

4. Trong hôn lễ, dâu rể được làm «lễ tổ, lễ Gia tiên» trước bàn thờ, giường thờ tổ tiên, vì đó là nghi lễ tỏ lòng biết ơn, hiếu kính trình diện với ông bà.

5. Trong tang lễ, được vái lạy trước thi hài người quá cố, đốt hương vái theo phong tục địa phương để tỏ lòng cung kính người đã khuất, cũng như Giáo hội cho đốt nến, xông hương, nghiêng mình trước thi hài người quá cố.

6. Được tham dự nghi lễ tôn kính vị Thành hoàng, quen gọi là «Phúc Thần» tại đình làng, để tỏ lòng cung kính biết ơn những vị mà theo lịch sử đã có công với dân tộc, hoặc là ân nhân của dân làng, chứ không phải vì mê tín như đối với các «yêu thần, tà thần».

Trong trường hợp thi hành các việc trên đây sợ có sự hiểu lầm, nên khéo léo giải thích qua những lời phân ưu, khích lệ, thông cảm... Đối với giáo dân, cần phải giải thích cho hiểu việc tôn kính tổ tiên và các vị anh hùng liệt sĩ, theo phong tục địa phương, là một nghĩa vụ hiếu thảo của đạo làm con cháu, chứ không phải là những việc tôn kính liên quan đến tín ngưỡng, vì chính Chúa cũng truyền «phải thảo kính cha mẹ», đó là giới răn sau việc thờ phượng Thiên Chúa.

Tại Nha Trang, ngày 14 tháng 11 năm 1974

Ký tên:

- Philiphê Nguyễn Kim Điền	:	Tổng Giám Mục Huế
- Giuse Trần Văn Thiện	:	Giám Mục Mỹ Tho
- Giacôbê Nguyễn Văn Mậu	:	Giám Mục Vĩnh Long
- Giacôbê Nguyễn Ngọc Quang	:	Giám Mục Cần Thơ
- Phanxicô Xaviê Nguyễn Văn Thuận	:	Giám Mục Nha Trang
- Phêrô Nguyễn Huy Mai	:	Giám Mục Ban Mê Thuật
- Phaolô Huỳnh Đông Các	:	Giám Mục Quy Nhơn

Việc thờ cúng tổ tiên ở Trung Quốc và Việt Nam đã có một truyền thống lâu đời và trải rộng đến các giá trị của đạo hiếu. Kính nhớ tổ tiên và nhấn mạnh đến đạo hiếu đã chứng tỏ một thành trì kiên cố để bảo vệ tính duy nhất của gia đình, bảo vệ những giá trị cao đẹp trong quá khứ và là một phương tiện luân lý để điều khiển xã hội. Vì thế, «người Công giáo có thể tôn kính tượng Khổng tử hay bài vị tổ tiên hay thánh điện ở Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm và các nước khác. Sự tôn kính như thế được xem là một nghi thức thuần túy dân sự»⁸⁶.

⁸⁶ BERNHARD HARING, *The law of Christ*, vol. II: Special Moral Theology, Mercier Press 1963, 36-37; cfr. THOMAS PAZHAYAMPALLIL (SDB), *Pastoral guide*, vol. I: Fundamental moral theology and virtues, Kristu Jyoti publications, Bangalore, India 2004⁴, số 291.

Dĩ nhiên, nếu các bàn hay bài vị này chứa đựng những ký hiệu mê tín thì cần phải được hủy bỏ⁸⁷.

Chúng ta có thể khám phá thói quen «*tôn kính tổ tiên*» từ thời cổ nhờ những người Nhật, là những người có một cảm thức tôn giáo sâu sắc, và đây là điều mà chúng ta cần trân trọng. Nền tảng nguyên thủy của việc «*tôn kính tổ tiên*» này là tình yêu và lòng kính trọng mà người Nhật dành cho tổ tiên trong liên hệ tình cảm và sự liên đới với gia đình họ. Từ đó nảy sinh nhiều nghi thức mà họ cử hành cho người chết phát sinh từ tình yêu và lòng kính trọng đó.

Nơi Kitô giáo, sự tưởng nhớ và lòng kính trọng người chết được biểu lộ bằng những lời cầu nguyện dâng lên Thiên Chúa. Những lời cầu nguyện này được dành cách đặc biệt cho cha mẹ và những người bà con thân thuộc, đó là lẽ tự nhiên. Trong tinh thần này, Giáo hội đã chấp nhận những thói quen của mỗi dân tộc về tưởng nhớ người chết. Trong nhiều tôn giáo, người ta đã xây nên những phần mộ trang trọng và người ta có thói quen thắp viếng, đặt hoa nơi các phần mộ này... Trong một số tôn giáo, người ta trang hoàng hình ảnh các tổ tiên trong phòng khách, nơi gia đình thường tập trung.

Mặt khác, chúng ta tin rằng:

«Vì Chúa Kitô đã chết cho mọi người (*cf. Rm 8,32*), và thật sự chỉ có một ơn gọi tối hậu của con người, ơn gọi từ Thiên Chúa, nên chúng ta phải tin chắc rằng, Chúa Thánh Thần ban cho mọi người khả năng tham dự vào mầu nhiệm Phục sinh ấy theo cách thế mà chỉ có Chúa biết»⁸⁸.

Tự mình chúng ta không thể biết ai được thông phần vào ân sủng Chúa Kitô. Do đó, chúng ta tin vào ơn cứu độ phổ quát và ý muốn Chúa Cha, và tin vào công nghiệp vô biên của Chúa Kitô. Trong khi chờ đợi ngày quang lâm, ngày mà toàn thể nhân loại đứng trước tòa phân xử công bằng của Thiên Chúa, chúng ta cần phải diễn tả cách thích hợp tình yêu và lòng kính trọng đối với tổ tiên mình⁸⁹.

2.3.2.3. Bói toán

Chúng ta sẽ tìm hiểu về *khái niệm* và *các hình thức bói toán*.

2.3.2.3.1. Khái niệm

Bói toán là một thực hành mê tín, qua đó người ta muốn biết một số bí mật tương lai với sự trợ giúp của ma quỷ.

Bói toán thường được hiểu theo *nghĩa hẹp* và *nghĩa rộng*.

2.3.2.3.1.1. Bói toán theo nghĩa hẹp

Trong việc bói toán theo nghĩa hẹp, ma quỷ được viển dẫn bằng một trong hai cách: *minh thị* hoặc *ám tàng*. Ma quỷ được viển dẫn một cách minh thị khi một người bằng lời nói hay dấu hiệu cầu xin sự giúp đỡ của ma quỷ. Ví dụ: người ta thưa với ma quỷ thế này:

⁸⁷ Cfr. THOMAS PAZHAYAMPALLIL (SDB), *Pastoral Guide*, Vol. I: Fundamental moral theology and virtues, Rekha Printers Private Limited, New Delhi 2004⁴, số 464.

⁸⁸ GS 22.

⁸⁹ Cfr. JAN SWYNGEDOUW, «The japanese Church and ancestor veneration practices»: *Secretariatus pro non-Christianis Bulletin* 69 (1988) 251-267.

«Satan, hãy nói cho tôi biết, tôi có bị giết nếu đi xe máy trên đoạn đường này không?». Ma quỷ được viễn dẫn cách ám tàng khi từ một môi trường cụ thể, người ta xin ma quỷ giúp đỡ cách có ý thức, mặc dù người đó không rõ ràng làm như vậy. Ví dụ, người ta chăm chú nhìn vào quả pha lê để mong tìm ra những biến cố tương lai.

Chỉ một mình Thiên Chúa biết cách chắc chắn những hành động tương lai dựa trên ý muốn tự do của con người. Tuy nhiên, ma quỷ là một tên vô cùng ranh ma quỷ quyệt, nó có thể ước đoán những biến cố tương lai tài giỏi hơn con người. Cho dù đôi khi con người có thể tiên đoán tương lai với một xác suất cao. Ví dụ, nếu người ta biết rằng anh A đã học bảy ngôn ngữ thành thạo cách dễ dàng, người ta cũng có thể tiên đoán rằng anh A cũng không quá khó khi học thêm một ngôn ngữ thứ tám. Nếu người ta biết bản tính con người là tốt, người ta cũng có thể tiên đoán loại người tốt như thế có thể thành công trong công ăn việc làm; hay một số người sẽ phê bình, chỉ trích, sỉ nhục hoặc khuyến khích động viên. Ma quỷ thông minh hơn con người, đôi khi có thể tiên đoán các sự kiện đúng. Tuy nhiên, sự tiên đoán chỉ là hầu như đúng⁹⁰.

Sự khẩn cầu ma quỷ cách minh thị luôn là một tội nặng bởi bản tính của nó. Vì việc viện dẫn ma quỷ ngụ ý một sự trực tiếp thông đồng với kẻ thù của Thiên Chúa, là những kẻ chiếm đoạt vinh quang và Nước Chúa. Đây là một sự xúc phạm nặng nề đến Thiên Chúa, như khi thông đồng với kẻ thù của quốc gia, anh ta sẽ làm tổn thương đến quốc gia. Hơn nữa, ma quỷ cũng là kẻ thù của con người. Nó luôn tìm cách phá hoại con người, cho dù đôi khi ma quỷ dường như nói hay làm những điều có ích cho con người. Thật vậy, nó làm điều đó để lừa gạt hay để làm hại con người cách dễ dàng hơn. Ngoài ra, ma quỷ có thể cung cấp những thông tin sai lạc, vì nó là cha của sự gian dối: «ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác» (St 3,5). Hơn nữa, khi người ta dùng những thông tin sai lạc như thế, thì những thông tin đó không chỉ làm thiệt hại cho người nhận mà còn làm thiệt hại cho những người khác nữa⁹¹. Cuối cùng, cầu khẩn ma quỷ thường đi kèm với việc thờ lạy, một hành động vốn chỉ dành cho một mình Thiên Chúa mà thôi, và như thế, họ từ chối và phủ nhận đức tin của mình, nguyên rủa Thiên Chúa và các thánh, trao linh hồn cho ma quỷ, lạm dụng các bí tích, làm tổn thương người khác...

«Khi vào đất mà Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, ban cho anh em, thì anh em đừng học đòi những thói ghê tởm của các dân tộc ấy: giữa anh em không được thấy ai làm lễ thiêu con trai hoặc con gái mình, không được thấy ai làm nghề bói toán, chiêm tinh, tướng số, phù thủy, bỏ bùa, ngồi đồng ngồi cốt, chiêu hồn. Thật vậy, hễ ai làm điều ấy thì là điều ghê tởm đối với Đức Chúa, và chính vì những điều ghê tởm ấy mà Đức Chúa, Thiên Chúa của anh em, đã trục xuất các dân tộc ấy cho khuất mắt anh em» (Đnl 18,9-12).

«Chúa đã bỏ rơi dân Ngài là nhà Giacóp, vì họ chứa đầy thầy bói phương Đông và thầy chiêm như những người Philitinh; họ thỏa hiệp với người ngoại quốc» (Is 2,6; cfr. Lv 19,31; 20,6; 2V 21,6; Is 44,25; Gr 27,9-10; 29,8-9; Dcr 10,2).

⁹⁰ Cfr. CASS KUCHARAK, *To settle your conscience*, Huntington 1974, 88-89.

⁹¹ Chúng ta nhớ trường hợp con rắn cám dỗ bà Evà. Không những chỉ mình bà ăn trái cấm, mà bà còn đưa cho chồng ăn, và cả hai đã bị Chúa phạt (cfr. St 3).

Những điều nói về việc cầu khẩn ma quỷ cách minh thị cũng áp dụng cho cả trường hợp cầu khẩn ma quỷ cách ám tàng. Ở đây chúng ta đang nói về bói toán theo nghĩa hẹp. Chúng ta biết rằng ma quỷ được cầu khẩn và đôi khi nó hoạt động xuyên qua một vài phương tiện hay những tập tục vô ích. Vì thế, đôi khi khó nhận ra những việc nào là do ma quỷ và những việc nào là do khả năng tự nhiên. Con người phải cẩn thận xem xét, không được quy gán những khả năng của con người vào những việc làm ma quỷ. Để có thể quy gán những hành động của ma quỷ, Người ta phải chắc chắn rằng, những hành động đó phải:

1) *Vượt quá năng lực tự nhiên của con người.*

2) *Thuộc về một quyền lực khác ngoài Thiên Chúa hay thuộc ma quỷ.*

Tuy nhiên, Thiên Chúa thực hiện quyền năng của Ngài chỉ qua những người có một đời sống thánh thiện và được Ngài phú ban cho một khả năng đặc biệt. Cũng vậy, Thiên Chúa thực hiện phép lạ trực tiếp hay gián tiếp thông qua các thiên thần và các thánh. Nơi những hoàn cảnh khác nhau, phép lạ được thực hiện cách rõ ràng, chứng tỏ sự can thiệp lạ lùng của Thiên Chúa. Khi loại trừ sự can thiệp của Thiên Chúa, thì đó là hành động ma quỷ.

«Thiên Chúa có thể cho các ngôn sứ hay các thánh nhận biết tương lai. Thật vậy, thái độ đúng đắn của kitô hữu là phó thác hoàn toàn trong tay Chúa quan phòng những gì thuộc về tương lai và từ bỏ mọi thứ tò mò thiếu lành mạnh trong lãnh vực này. Thế nhưng, ai không tiên liệu là người thiếu trách nhiệm»⁹².

2.3.2.3.1.2. *Bói toán theo nghĩa rộng*

Bói toán theo nghĩa hẹp rất hiếm, bình thường người ta thực hiện bói toán theo nghĩa rộng. Ở bói toán theo nghĩa rộng, không có việc cầu khẩn ma quỷ⁹³. Nhiều việc mà thầy bói có thể thực hiện được là do họ được gán những tài năng hay họ đích thật là những người lừa đảo. Điều có thể nói ngay là người ta thực hiện việc bói toán cả theo nghĩa rộng vì không có niềm tin mạnh mẽ vào Thiên Chúa và không sốt sắng trong việc thực hiện các bổn phận tôn giáo. Theo nghĩa này, bói toán theo nghĩa rộng làm thiệt hại cho tôn giáo đích thực. Vì thế, những thầy bói bói toán thường xuyên là phạm tội nặng. Tội nhẹ nếu họ chỉ bói một vài lần. Người tín hữu cần được hướng dẫn để họ tin tưởng vào quyền năng Thiên Chúa. Ma quỷ chỉ quan tâm đến việc lừa gạt con người. Qua việc xem bói, ma quỷ có thể dẫn đưa con người đi lệch hướng, thậm chí làm cho con người từ bỏ hoặc xao lãng các bổn phận tôn giáo. Nhưng có thể có một vài thầy bói có những khả năng đặc biệt và thành thật trong công việc này. Tuy nhiên, hầu hết các thầy bói chỉ lừa đảo người ta, họ giả vờ nói rằng, họ biết một số bí mật của người đó. Những thầy bói này phạm tội trọng trong việc thương mại và làm người ta suy yếu đức tin và mất sự tín thác vào Thiên Chúa; họ nhận tiền cho việc thực hiện nghệ

⁹² GLCG 2115.

⁹³ Thậm chí trong bói toán được thực hiện ở ngoài việc thờ phượng Kitô giáo, cũng hiếm việc cầu khẩn ma quỷ.

thuật lừa đảo, từ đó họ xúc phạm tới đức công bằng giao hoán⁹⁴. Những thầy bói này phải từ bỏ nghề của họ⁹⁵. Chúng ta sẽ đưa ra dưới đây những hình thức của bói toán.

2.3.2.3.2. Các hình thức bói toán

Chúng ta sẽ tìm hiểu các hình thức bói toán như sau: *chiêm tinh, que dò mạch, giấc mơ, rút thăm, và các hình thức khác.*

2.3.2.3.2.1. Chiêm tinh

Chiêm tinh là nghệ thuật đoán trước tương lai một người thông qua tình trạng, khuynh hướng... nhờ các vì sao, đặc biệt lúc sinh của người đó.

Chúng ta không nói về chiêm tinh như một khoa học tự nhiên, có liên quan chủ yếu đến việc dự đoán thời tiết bằng cách quan sát vị trí mặt trăng, các hành tinh và các vì sao. Ảnh hưởng của các hành tinh lên điều kiện thời tiết trái đất có thể rất lớn. Không có gì sai để tin vào các dự báo này hoặc ảnh hưởng của chúng lên việc trồng trọt trong nông nghiệp. Mặt trời cũng ảnh hưởng đến cuộc sống con người rất nhiều. Mặt trời là nguồn năng lượng lớn làm cho sự sống tồn tại trên mặt đất. Nó là nguyên nhân của việc thay đổi các mùa, ngày đêm trong năm, và hoạt động của con người.

Các hành tinh, mặt trời và các vì sao cũng có thể ảnh hưởng đến sức khỏe và tâm lý của đời sống con người. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng gián tiếp của các vì sao không nên phóng đại quá đáng. Vì các vì sao rất xa mặt đất. Chúng ta biết rằng, ánh sáng đi với vận tốc 300.000km/s. Nếu một người đi với vận tốc ánh sáng thì người đó chỉ cần khoảng 1,5 giây là tới mặt trăng; cùng vận tốc đó, người ấy cũng chỉ cần khoảng 8,5 phút là đến mặt trời, mặc dù mặt trời cách xa chúng ta khoảng 150 triệu km; để đến vì sao gần nhất, người đó phải mất 4,5 năm; để đến một vì sao xa nhất mà con người khám phá được, cũng phải mất 6.500 triệu năm⁹⁶.

Do đó, không thể có bất kỳ ảnh hưởng trực tiếp nào của các hành tinh, mặt trời và các vì sao trên hoạt động tự do của con người. Thật là lầm lẫn khi nghĩ rằng sức mạnh của các vì sao và các hành tinh tại thời điểm sinh tạo nên hình dáng tương lai cho chúng ta. Không phải vị trí khoảng cách các thiên thể làm cho một số ngày hay khoảng thời gian thuận lợi hơn cho một số loại hoạt động đặc biệt, cũng không phải đó là những dấu hiệu mà một người sinh ra là đã xác định được người này hợp hay không hợp với người khác⁹⁷.

Nếu đời sống con người từ lúc sinh cho đến lúc chết đều được quyết định bởi vị trí các vì sao, thì còn đâu một chỗ cho Thiên Chúa hoạt động. Điều này sẽ tước đoạt vinh dự, và

⁹⁴ Công bằng giao hoán đòi của cải và dịch vụ phải được trao đổi theo đúng luật cân bằng về giá trị (*trừ khi một bên tự nguyện không lấy tất cả phần bồi thường*). Vì các quyền lợi và yêu cầu của loại công bằng này dựa trên những hợp đồng thỏa thuận, nên còn gọi là công bằng theo hợp đồng. Bởi đó, nếu một bên lường gạt thì lỗi phạm về công bằng giao hoán (cfr. KARL H. PESCHKE (SVD), *Etica Cristiana. Teologia morale alla luce del Vaticano II*, vol. II: Teologia morale speciale, Pontificia Università Urbaniana, Roma 1985, 293).

⁹⁵ Cfr. ALPHONSUS VAN KOL, *Theologia Moralis*, vol. I, Barcinone, Herder 1968, 322-326.

⁹⁶ Cfr. THOMAS PAZHAYAMPALLIL (SDB), *Pastoral Guide*, Vol. I: Fundamental moral theology and virtues, Rekha Printers Private Limited, New Delhi 2004⁴, số 467.

⁹⁷ Cfr. «Astrological charlatanry»: *The Examiner* (18/10/1975) 492.

khước từ vinh quang Thiên Chúa. Mặt khác, điều này chống lại tự do con người, một món quà vô giá mà Thiên Chúa đã tặng ban cho con người. Thánh Phaolô đã nói: «*cả thế gian này, sự sống, sự chết, hiện tại hay tương lai, tất cả đều thuộc về anh em, mà anh em thuộc về Đức Kitô, và Đức Kitô lại thuộc về Thiên Chúa*» (1Cr 3,22-23)⁹⁸.

2.3.2.3.2.2. Que dò

Que dò là những cây que thường được dùng để tìm mạch nước, kim loại, hố sâu trong mặt đất... Việc sử dụng như thế chắc chắn là được phép. Vì chuyển động của que này có thể dựa trên từ tính tự nhiên hay sức điện nơi con người. Tuy nhiên, nó không được phép sử dụng để khám phá tình trạng linh hồn người quá cố hay đặc điểm luân lý của cá nhân, đặc biệt những sự việc không biết và tương lai và cả những biến cố dựa trên những quyết định tự do của con người⁹⁹. Vì nó không tương xứng giữa một bên là xác định phản ứng của cây dò và một bên là biến cố tương lai tự do. Như thế nó phải thuộc về một sức mạnh bên ngoài con người, tức là ma quỷ.

Vào năm 1942, Tòa thánh đã ban bố một sắc lệnh trong đó đại ý nói rằng: hỏi ý thầy bói về các hoàn cảnh, biến cố thực tế là không thích hợp và trái ngược với hàng giáo sĩ và bản quyền địa phương¹⁰⁰; và bề trên dòng tu phải cấm những vấn đề thực hành như thế. Sắc lệnh ám chỉ những người được «*ân huệ tâm linh*» tìm kiếm những thông tin thần linh liên quan đến những người vắng mặt bằng cách nhìn trên bản đồ hay đôi khi nhìn hình ảnh của những người liên quan. Sắc lệnh không đề cập đến các cuộc thí nghiệm hay các cuộc tra cứu liên quan đến biến cố, như những hành động tương phản với các biến cố, và cũng không đề cập ngay đến một người. Có những kim loại ở một nơi hoặc chảy theo dòng nước... là những sự kiện hơn là những biến cố và chúng không quy vào một người xác định với tư cách là những đối tượng¹⁰¹.

2.3.2.3.2.3. Giác mơ

Những điều tự nó biểu lộ trong giấc ngủ được gọi là giấc mơ. Thông thường, giấc mơ dường như xuất hiện từ những nguyên nhân tự nhiên như: ăn quá nhiều, rối loạn tiêu hóa, một số biến cố sống động, thần kinh bị kích động, lo lắng thái quá, những điều đang suy nghĩ trước khi ngủ, áp lực lên đầu của gối đầu, để tay lên ngực...

Thỉnh thoảng giấc mơ có thể được giải thích bằng thần giao cách cảm. Thần giao cách cảm là sự thông truyền tâm linh của người này với người khác mà không dùng lời nói, nghe, nhìn hay bất cứ một giác quan nào khác để truyền thông.

Người ta thuật lại câu chuyện rằng, một buổi sáng nọ, người ta thấy mẹ của viên chỉ huy khóc. Khi được hỏi tại sao bà khóc, bà trả lời: «*trời ôi, tôi đã mất đứa con trai rồi. Sáng nay, khi tôi chào bức ảnh nó như thói quen tôi vẫn thường làm mỗi ngày, tôi thấy một mắt của nó bị bắn và máu tràn lan khắp khuôn mặt*». Ngay sau đó, người ta nghe báo tử về cái chết

⁹⁸ Cfr. ANSELM GUNTHOR, *Chiamata e risposta*, vol. II: *Morale speciale: le relazioni del cristiano verso Dio*, Edizione Paoline 1975, 511-512.

⁹⁹ Cfr. BERNHARD HARING, *The law of Christ*, vol. II: *Special Moral Theology*, Mercier Press 1963, 232-233.

¹⁰⁰ Bản quyền địa phương ám chỉ, ngoài Đức Giáo hoàng ra, các giám mục giáo phận, các vị có quyền hành pháp tổng quát thông thường, tức là các vị Tổng Đại diện, các Bề trên cấp cao của các hội dòng giáo sĩ thuộc luật giáo hoàng và các tu đoàn tông đồ giáo sĩ thuộc luật giáo hoàng (cfr. *GL 134§1 và §2*).

¹⁰¹ Cfr. WILLIAM CONWAY, *Problems in Canon law*, Dublin 1960, 41-42.

của viên chỉ huy này. Ông bị chết trong một cuộc vây hãm ở Puebla, bị bắn vào mắt trái giống như bà mẹ thầy¹⁰². Hiện tượng này có thể thuộc về Thiên Chúa.

Nếu ma quỷ có thể ảnh hưởng lên trí tượng tưởng của chúng ta, thì chúng cũng có thể ảnh hưởng lên giấc mơ của chúng ta.

Không được phép và đó là mê tín khi tin vào giấc mơ có sự mạc khải của ma quỷ: «*phần các người, đừng nghe lời các ngôn sứ, các tay bói toán, giải mộng, chiêm tinh, phù thủy của các người*» (Gr 27,9).

«Ta đã nghe các ngôn sứ nhân danh Ta mà tuyên sấm đối trá rằng: “*tôi chiêm bao! Tôi đã chiêm bao!*”. Cho tới bao giờ trong hàng ngôn sứ còn có những kẻ tuyên sấm đối trá, những kẻ tuyên sấm điều giả dối do lòng nghĩ tưởng ra. Chúng kể cho nhau nghe những giấc chiêm bao có ý làm cho dân Ta quên bằng danh Ta, giống như cha ông chúng đã quên danh Ta mà nhớ Ba-an» (Gr 23,25-27).

Thánh Tôma Aquinô nói rằng, được phép dùng giấc mơ để đoán biết tương lai với điều kiện là những giấc mơ này liên quan đến một số nguyên nhân tự nhiên, ví dụ tâm trí một người băn khoăn, lo âu về những điều người đó thấy trong giấc mơ và do đó, dẫn đến việc người nào đó làm hay tránh điều nào đó¹⁰³. B. Haring đã rất đúng khi nói rằng:

«Hầu hết các giấc mơ cách đặc biệt vượt quá văn minh con người hiện nay, tiềm thức con người quá xa lạ bối rối, chúng không có giá trị để đoán định tương lai. Do đó, sự khôn ngoan ra lệnh rằng, chúng ta ít hay không đặt niềm tin vào chúng như các dấu hiệu của những điều sẽ xảy đến»¹⁰⁴.

Tâm lý học hiện đại đã có nhiều nghiên cứu về hiện tượng giấc mơ. Sigmund Freud đã xem giấc mơ là công cụ thỏa mãn ước muốn. Ngay cả những giấc mơ hão huyền cũng có thể là một phần ước vọng để thực hiện lòng ao ước của mình.

Nhà phân tâm học Freud dùng phương pháp liên tưởng để giải thích giấc mơ. Trong trạng thái thanh thần thụ động, bệnh nhân tự ý phản ứng lại những điều mà nhà phân tích đề cập đến những yếu tố khác nhau trong giấc mơ. Những phản ứng này giống như những lưỡi câu được thả xuống vũng nước của vô thức để câu ngày càng nhiều sự rối rắm vật chất, từ đó sẽ trở thành một lưỡi câu mới để mang nhiều điều thú vị hơn. Như vậy, ngày càng nhiều vùng mới của đời sống tâm linh, trước đây ở trong bóng tối, nay được mang ra ánh sáng và dần dần điều bí ẩn của giấc mơ được gạn lọc, với sự chắc chắn đáng trân trọng¹⁰⁵.

Nếu giấc mơ có thể được giải thích bằng thần giao cách cảm thì không có gì là sai trái khi tin vào những giấc mơ đó¹⁰⁶. Tuy nhiên, đôi lúc Thiên Chúa có thể can thiệp vào giấc mơ. Sự can thiệp của Thiên Chúa vào giấc mơ nếu giấc mơ đó tuân theo các điều kiện sau:

- 1) *Người mơ là người thánh thiện.*
- 2) *Điều mơ là điều nào đó thúc giục việc thực hành các nhân đức.*

¹⁰² Cfr. *The Casuist. A collection of cases in moral and pastoral theology*, vol. II, New York 1908, 213.

¹⁰³ Cfr. THOMAS D'AQUINO, *Summa theologiae*, II-II, 95,6.

¹⁰⁴ BERNHARD HARING, *The law of Christ*, vol. II: Special Moral Theology, Mercier Press 1963, 234.

¹⁰⁵ Cfr. H. PRABU, «Interpretation of dreams»: *The new leader* (14/01/1979) 4.

¹⁰⁶ Cfr. CASS KUCHARSK, *To settle your conscience*, Huntington 1974, 97-98.

3) Chính người đó, sau khi mơ cảm thấy mình được thanh thản bình an, sẵn sàng làm việc thiện...

4) Người đó sẵn sàng và trong thực tế đã bàn hỏi với cha giải tội hoặc cha linh hướng.

Kinh thánh đã đưa ra cho chúng ta một số mẫu gương về những giấc mơ mà nơi đó Thiên Chúa đã can thiệp cách lạ lùng¹⁰⁷. Những giấc mơ đến từ Thiên Chúa phải được tin nhận với lòng thành kính và như thế «*giấc chiêm bao là một cách thức mạc khải*»¹⁰⁸ của Thiên Chúa: «*ban đêm Thiên Chúa đến báo mộng cho vua A-vi-me-léc rằng: này người sắp phải chết vì người đàn bà mà người đã bắt, bởi người ấy có chồng*» (St 20,3).

2.3.2.3.2.4. Rút thăm

Từ rút thăm được dùng để áp dụng cho những phương pháp như tung đồng tiền cắc, quay hạt súc sắc, hay những trò chơi tương tự như thế, nhằm quyết định một sự bàn cãi liên quan đến việc phân phối những đồ vật, chức vụ, hay đến những quyết định khác, hoặc giải mã những bí mật. Một ví dụ nổi tiếng là trường hợp rút thăm để chia nhau áo Chúa Giêsu được tường thuật trong Phúc âm (cfr. Ga 19,24).

Nếu rút thăm để quyết định những điểm tranh cãi với sự đồng ý của các bên liên quan, điều đó là được phép. Nhưng rút thăm để tìm ý Thiên Chúa liên quan đến những điều phải làm và những điều phải tránh, nó được phép với điều kiện là người đó được linh cảm của Thiên Chúa đối với những việc như thế, hay người đó đã dùng những phương tiện khác, đặc biệt là chìm đắm trong việc cầu nguyện. Nó là tội nặng nếu người đó trông đợi một sự trả lời của ma quỷ¹⁰⁹.

2.3.2.3.2.5. Những hình thức bói toán khác

Có các hình thức bói toán khác như *bói chim, bói bằng bộ đồ lòng, xem chỉ tay, bói nước, bói đất, bói không khí, bói lửa, bói cầu, lời sấm, chiêm báo*.

Bói chim là bói toán dựa trên việc bay, tiếng kêu, và việc ăn uống của nhiều loại chim khác nhau, đặc biệt sự lệch hướng của những thói quen thông thường của chúng.

Bói ruột là bói toán dựa trên kiểm tra đường ruột của động vật.

¹⁰⁷ Cfr. Giấc mơ của Giacóp: «*Cậu (Giacóp) chiêm bao thấy một chiếc thang dựng dưới đất, đầu thang chạm tới trời, trên đó có các sứ thần Thiên Chúa lên lên xuống xuống*» (St 28,12). Thiên Chúa trả lời cho ông A-a-ron và bà Ma-ri-am: «*hãy nghe Ta nói đây: nếu trong các người có ai là ngôn sứ, thì Ta, Đức Chúa, Ta sẽ tỏ mình ra cho nó trong thị kiến, hoặc sẽ phán với nó trong giấc mộng*» (Ds 12,6). Điềm báo ông Ghít-ôn thắng trận: «*ông Ghít-ôn tới nơi, thì này một tên đang kể cho đồng đội một giấc chiêm bao. Hắn nói: đây là giấc chiêm bao tôi đã nằm mơ: một tấm bánh lúa mạch lặn trong trại Ma-di-an, tới một chiếc lều, dựng vào lều thì nó ngã xuống, cuốn chổng gọng cái lều lên, thế là cái lều đổ*» (Tl 7,13). Trình thuật Thiên Chúa gọi ông Samuel (cfr. ISm 3,1-21). Nhờ Thiên Chúa nói với Daniel mà ông đã giải mộng được cho vua Na-bu-cô-đô-nô-xo: «*bấy giờ ông Daniel được mạc khải điều bí nhiệm ấy trong giấc chiêm bao ban đêm. Ông Daniel liền chúc tụng Đức Chúa Trời*» (Đn 2,19). Truyền tin cho thánh Giuse: «*ông đang toan tính như vậy, thì kia sứ thần Chúa hiện đến báo mộng cho ông rằng: này ông Giuse, con cháu Davít, đừng ngại đón bà Maria vợ ông về, vì người con bà cứu mang là do quyền năng Chúa Thánh Thần*» (Mt 1,20)..

¹⁰⁸ Kinh thánh trọn bộ Cựu ước và Tân ước, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1988, chú thích về sách Thủ lãnh 7,13 (bản dịch của nhóm Giờ Kinh Phụng Vụ).

¹⁰⁹ Cfr. ZALBA MARCELLINUS (S.J), *Theologiae Moralis Compendium*, Vol. I. Theologia Moralis Fundamentalis. Tractatus de Virtutibus Moralibus (De mandatis Die et Ecclesiae) 1958, 568-569.

Xem chỉ tay, bói nước, bói đất, bói khí, bói lửa, bói cầu, là bói toán dùng những dấu hiệu có thực hoặc hư cấu, được khám phá trong bàn tay, trong nước, trên mặt đất, trong không khí, trong lửa và trong quả cầu định sẵn, để tiên đoán tương lai, hoặc biết được những điều bí nhiệm. Trong việc xem chỉ tay miễn là cố gắng phân tích tính tình, khuynh hướng... bằng cách nghiên cứu những đường chỉ tay, dường như không có gì sai trái. Vì cấu trúc thân thể có thể có một mối liên hệ nhất định tới tính tình và khuynh hướng của một người. Tuy nhiên, nếu cố báo trước những hành động tự do thuộc tương lai của con người thì vấn đề lại khác.

Lời sấm là những lời nói tiên kiến, tiên tri...

Nói ý định của thần linh là cách thủ đắc kiến thức từ ma quỷ hay thông qua những người chiếm hữu nó.

Điềm báo vận mệnh được dùng để tiên đoán tương lai, ví dụ: một con mèo đen chạy qua lối đi, người ta gặp một đoàn rước đám tang, hay người ta ngồi vào bàn tiệc có 13 người.

Liên quan đến những hình thức bói toán trên, người ta nên giải thích bản chất hay hành động, nếu nó không tương phản với sự thật. Vì nhiều hình thức là hiệu quả tự nhiên được thực hiện do khả năng con người và những hiệu quả đó rất phi thường, rất đáng khâm phục đối với những con người bình thường. Ngoài ra, vẫn có nhiều sức mạnh trong tự nhiên mà người ta chưa khám phá ra hết hay ít là chưa nhận ra như là một hiện tượng tự nhiên. Cũng không phản đối việc thăm dò những sức mạnh bí ẩn khi họ nghi ngờ hiệu quả của một vài nguyên nhân tự nhiên để giành được những kết quả phi thường như thế. Một cách tự nhiên, người ta nên có một ý hướng đúng để việc gọi ra những ảnh hưởng ngoại nhiên cần được loại trừ. Gương mù gương xấu cần phải tránh¹¹⁰.

Các tín hữu cần được khuyên không nên đặt quá kỳ vọng vào sự tiên báo của các thầy bói. Nhiều lời tiên báo của các thầy bói không đúng với thực tế. Rất hiếm khi chúng ta gặp được những người có kiến thức khoa học uyên bác. Bỏ bê hàng loạt những việc bổn phận vì mê tín, hay đặt niềm tin thái quá vào việc kiêng giữ vô lý hơn là cầu nguyện và lãnh nhận các Bí tích, nói cách khách quan, những việc này được xem là tội nhẹ. Thật lòng mà nói, ma quỷ đã lừa dối con người, thậm chí bằng cách kiêng giữ vô lý theo nghĩa rộng. Tất cả điều này chống lại đức tin và tôn giáo đích thực.

Để kết luận về các hình thức bói toán trên, Sách *Giáo lý Hội thánh Công giáo* đã đưa ra chỉ dẫn:

«Phải loại bỏ mọi hình thức bói toán: cậy nhờ Satan hay ma quỷ, gọi hồn người chết hay những cách khác ngỡ rằng sẽ đoán được tương lai (*cfr. Đnl 18,10; Gr 29,8*). Coi tử vi, chiêm tinh, xem chỉ tay, giải điều mộng, xin xăm, bói toán quá khứ vị lai, đồng bóng, là những hình thức che giấu ước muốn có quyền trên thời gian, trên lịch sử và trên cả con người, cũng như ước muốn liên kết với các thế lực huyền bí. Điều này nghịch lại với lòng tôn kính và thần phục chỉ dành cho Thiên Chúa»¹¹¹.

2.3.2.4. Ma thuật và phù thủy

¹¹⁰ Cfr. ZALBA MARCELLINUS (S.J), *Theologiae Moralis Compendium*, Vol. I. Theologia Moralis Fundamental. Tractatus de Virtutibus Moralibus (De mandatis Die et Ecclesiae) 1958, 566-567.

¹¹¹ GLCG 2116.

Ma thuật là nghệ thuật làm những điều phi thường nhờ những nguyên nhân huyền bí, đặc biệt liên quan đến việc di chuyển thân thể.

Ma thuật được chia thành hai loại: *ma thuật trắng* và *ma thuật đen*. Ma thuật trắng dùng tài khéo tự nhiên của con người để làm những điều phi thường. Điều này được phép.

Ngược lại, ma thuật đen dùng ma quỷ để làm những điều phi thường. Tính luân lý của hành động này giống như trường hợp ta gọi là bói toán theo nghĩa chặt. Tuy nhiên, trường hợp cầu khẩn ma quỷ cách minh thị hay ám tàng để làm những việc siêu nhiên là rất hiếm.

Đứng về phía ma thuật đen là phù thủy. Đó là nghệ thuật dùng ma quỷ để bùa mê, gây bệnh trong người hay thú vật mà mình căm ghét. Nơi đâu ma thuật đen gặp thuận lợi, nơi đó nó sẽ tôn vinh và làm cho người phù thủy giàu có, đồng thời nơi đó người phù thủy cũng toan tính làm hại người khác. *Phù thủy là tội nặng*.

«Ai muốn dùng ma thuật để chế ngự các thế lực huyền bí, bắt chúng phục vụ mình và nắm được quyền lực siêu phàm trên người khác dù là để chữa bệnh, cũng lỗi nặng nhân đức thờ phượng. Các việc này càng đáng lên án hơn nữa khi có dụng ý hại người, hay nhờ đến sự can thiệp của ma quỷ. Mang bùa cũng là điều đáng trách»¹¹².

Chúng ta phải phớt lờ hoàn toàn và mở lòng mình ra nơi quyền năng và tình yêu Thiên Chúa. Không được phép của Thiên Chúa, ma quỷ không thể làm hại được ai. Sự xấu của mê tín hệ tại ở chỗ: lừa dối, bùa mê và căm ghét luôn mang đến những điều thiệt hại cho con người cả hồn lẫn xác. Ma quỷ có thể gây thiệt hại cho ai đặt mình cho nó phục vụ¹¹³.

Người ta phải nhờ đến việc trừ tà, các bí tích, á bí tích, cầu nguyện để chiến đấu chống lại ma thuật và phù thủy.

2.3.2.5. *Thôi miên*

Thôi miên là nghệ thuật tạo ra trong con người một loại xuất thần nhân tạo hay trạng thái đặc biệt của thần kinh bằng những hiệu quả bất thường xảy ra nơi cơ thể hay trong các năng lực khác nhau của con người¹¹⁴. Thôi miên tạo ra sự xuất thần bằng nhiều cách khác nhau, nghĩa là việc đánh thức sự tập trung của con người bằng những cảm giác sống động gây ra bởi các giác quan, những điệu bộ, hay đụng chạm trên cơ thể bằng những phương tiện được đề nghị.

Một khi thôi miên được đưa vào giấc ngủ có ý thức, người đó sẽ đi vào trong tiềm thức. Người bị thôi miên ít nhiều sẽ trở thành nô lệ cho người thôi miên.

Có rất nhiều mức độ của việc xuất thần: xuất thần nhẹ, xuất thần sâu và hôn mê. Thôi miên được phép nếu thỏa mãn các điều kiện sau đây:

¹¹² GLCG 2117.

¹¹³ Cfr. CASS KUCHAREK, *To settle your conscience*, Huntington 1974, 85.

¹¹⁴ Người ta cho rằng một số hình thức thôi miên được tìm thấy từ thời thượng cổ. Một số phiến đá (gọi là *phiến đá nguyện ước*) có ghi từ thế kỷ thứ IV trước Công nguyên được khai quật ở Hy Lạp, các phiến đá này miêu tả việc chữa bệnh bằng thôi miên. Trong những thế kỷ sau đó, các phiến đá đó diễn tả những hành vi làm người ta liên tưởng đến thôi miên (*qua những yếu tố siêu nhiên*), được thực hiện rất nhiều trong lịch sử thời sơ khai và văn hóa dân gian của những người thuộc hầu hết các nền văn hóa. Thời hiện đại, bắt đầu với tiến sĩ người Áo, Acton Mesmer (1733-1815). James Braid vào thế kỷ XIX đặt ra từ «*thôi miên*», nghĩa là ngủ (cfr. P.K. PAUL, «What is hypnotism?»: *Science today* (11/1969), 27-34.

- 1) *Cần phải có lý do hợp pháp và tương xứng: ví dụ để chữa bệnh; thực hiện trong lãnh vực khoa học hay nghệ thuật. Dứt khoát không dùng thôi miên nhằm thỏa mãn tính hiếu kỳ của người nào đó, hay để tống tiến tội phạm nhằm bắt họ khai báo tội mình.*
- 2) *Phải có sự ưng thuận của đương sự. Đương sự không bị ép buộc hay thiếu tự do hành động trái với ý chí của mình.*
- 3) *Người thôi miên phải được phép về mặt luân lý: người thôi miên không được lạm dụng quyền thống trị của mình trên người bị thôi miên. Nếu có thể, người thôi miên nên thực hiện việc thôi miên trước sự chứng kiến của nhiều nhân chứng đáng tin.*
- 4) *Phải có kỹ năng thật sự trong nghệ thuật thôi miên: người thôi miên phải tránh tất cả những gì nguy hại có thể xảy ra, ảnh hưởng đến sinh lý và tâm lý cho người bị thôi miên.*
- 5) *Phải có lý do cân xứng giữa việc tốt sẽ xảy đến và việc xấu có thể xảy ra từ việc thực hiện thôi miên.*

Tuy nhiên, trong thực tế, việc thôi miên thường là không được phép vì có mục đích mê tín, hơn nữa cũng không được phép vì sự nguy hiểm về thể xác và tinh thần đối với người bị thôi miên. Vì vậy cần có lý do tương xứng hoặc cần sự phòng ngừa thích đáng¹¹⁵. Thôi miên nếu chỉ cho việc giải trí là không được phép, vì nó làm thiệt hại đến sức khỏe, nguy hại đến luân lý...

2.3.2.6. Chiêu hồn và thần thông

Chiêu hồn là nghệ thuật triệu hồn hay gọi hồn, đặc biệt là hồn của người chết mà ta biết, để với sự giúp đỡ huyền bí nào đó, ta có thể biết hoặc thực hiện được một việc nào đó. Đây là hình thức hiện đại của bói toán.

Thật vậy, từ xưa người ta đã tin vào khả năng thông linh với người chết, và được thực hiện ở Ba Tư, Hy Lạp, Chaldea, Trung Quốc và Ai Cập. Nhưng trong hình thức hiện đại, chiêu hồn bắt đầu hàng loạt tình tiết xảy ra trong gia đình John Fox ở Hydesville, New York vào năm 1847. Có những cú va chạm mạnh lạ lùng và những hiện tượng khác xảy ra cho họ, hai cô con gái của Fox, là Margaret và Katherine, đã nghĩ ra mật mã gồm các dấu hiệu và những câu hỏi được đặt ra cho «hồn» và được «hồn» hồi đáp bằng những cú đánh thích hợp. Tin tức về biến cố này lan rộng cách nhanh chóng. Chẳng bao lâu «các hồn» tự mình hiện ra khắp nơi. Hai chị em con nhà Fox được biết đến rất nhiều, và qua các trung gian khác, họ được mời dự những buổi chiêu hồn. Từ Mỹ, mối quan tâm đến chiêu hồn được lan truyền sang châu Âu, nơi đó nó gặp được mảnh đất tốt và phát triển ở Anh, Pháp và Đức¹¹⁶.

Đôi lúc, người chiêu hồn thực hiện qua mình, có khi qua một trung gian, nghĩa là qua một người, người đó có khả năng đặc biệt để nói với hồn. Một số hiện tượng xảy ra là di chuyển bàn ghế (*xoay bàn ghế*). Hồn hiện ra trong hình thức hữu hình như hiện bàn tay, cái đầu..., đến nỗi người ta có thể chụp hình được. Hồn trả lời bằng miệng, chữ viết, đầu, các đối

¹¹⁵ Cfr. ZALBA MARCELLINUS (S.J), *Theologiae Moralis Compendium*, Vol. I. Theologia Moralis Fundamental. Tractatus de Virtutibus Moralibus (De mandatis Die et Ecclesiae) 1958, 575-578.

¹¹⁶ M.D. GRIFFIN, «Spiritism»: *New Catholic Encyclopedia*, vol. XIII (1912), 576-577.

tượng hay vật trung gian bay lên cao, và đôi lúc các đối tượng xuất hiện hay biến mất qua cửa đã được đóng¹¹⁷.

Để giúp người ta dễ dàng tin vào việc chiêu hồn nói chung, tại buổi chiêu hồn đầu tiên, «hồn» thúc giục thánh giả số sống làm việc thiện, cầu nguyện nhiều và thực hiện những bổn phận tôn giáo; nhưng ngay lập tức, chúng nói bóng nói gió để gieo rắc sự nghi ngờ hoặc nghĩ rằng tất cả các tôn giáo đều là mê tín. Chúng công kích giáo lý mạc khải. Hồn dạy những giáo lý xảo trá, tà thuyết... Chúng chấp nhận sự dâm dăng cách rõ ràng. Hồn hứa hẹn một tia hy vọng và hòa bình cho thế giới, nhưng tất cả chỉ là sự dối trá. Một tác giả nổi tiếng đã chỉ rõ, ngay việc bùng nổ chiến tranh vào năm 1939, hồn đã hứa là không có chiến tranh¹¹⁸.

Giáo hội kết án các hình thức chiêu hồn, ngoại trừ việc cầu nguyện, để thông linh với hồn ở thế giới bên kia. Liên quan đến vấn đề này, các văn kiện Giáo hội đề cập rất nhiều để hướng dẫn các tín hữu.

Đầu tiên phải kể đến Đức Giáo hoàng Sistô V với sắc dụ *Coeli et terrae Creator* đã cương quyết kết án bói toán và mọi hình thức giao tiếp với người chết¹¹⁹.

Trước sự bùng nổ việc gọi hồn, Tòa thánh đã tuyên bố: «*không được phép, tà giáo và gương xấu nếu thực hiện việc chiêu hồn người chết, để nhận câu trả lời*»¹²⁰. Tòa xá giải cũng tuyên bố là không được phép cả trong trường hợp ngồi tham dự và chơi trò giải trí¹²¹. Người ta tự hỏi, đôi khi có được triệu hồn để hỏi ý kiến không? Tòa thánh đã trả lời rằng: «*tất cả việc triệu hồn là không được phép, ví đó là mê tín và thường không thể không bị ma quỷ can thiệp, và như thế bị Giáo hội cấm*»¹²².

«Chiêu hồn thường đi kèm cả bói toán hay ma thuật. Hội thánh cảnh giác các tín hữu phải xa lánh các điều ấy. Khi dùng các phương thuốc gia truyền, không được kêu cầu các thế lực ma quỷ cũng như lợi dụng sự nhẹ dạ của người khác»¹²³.

Nhiều hiện tượng là kết quả của sự lừa đảo dựa trên người hay trên những trung gian của người gọi hồn, khi kết quả phát sinh do những nguyên nhân tự nhiên, cho dù chúng trông có vẻ kinh ngạc, trong một số ít trường hợp, những hiện tượng này có thể được kiểm chứng bằng khoa học.

Thực tế, một số ít các hậu quả là ngoại nhiên. Tuy nhiên, nếu biết được một ít bí mật mạc khải ngay lập tức thì chúng phải thuộc về ma quỷ. *Chiêu hồn để hỏi ý hồn là một tội nghiêm trọng*, cho dù được thực hiện cách công khai hay riêng tư.

¹¹⁷ Hiện tượng các đối tượng di chuyển, bay lên, dời chỗ không có tiếp xúc bên ngoài được gọi là «*ngoại lực*».

¹¹⁸ Cfr. CASS KUCHAREK, *To settle your conscience*, Huntington 1974, 95.

¹¹⁹ Cfr. SISTÔ V, Bulle «*Coeli et terrae Creator*» (05/01/1586): *Bullarium Romanum* 44, Romae 1747, 176-179.

¹²⁰ BỘ THÁNH VỤ, *De abusu magnetismi* (04/08/1856): DZ 2825.

¹²¹ Cfr. BỘ XÁ GIẢI, Tuyên bố ngày 01/02/1882.

¹²² PIÔ X, *Il Catechismo Maggiore* (14/06/1905), số 366: www.it.wikisource.org/wiki/Catechismo_Maggiore/Catechismo/Parte_terza/Dei_comandamenti_che_riguardano_Dio

¹²³ GLCG 2117.

«Các người không được đến với người ngồi đồng, ngồi bóng và không được hỏi ý kiến chúng, kéo vì chúng mà ra ô uest. Ta là Đức Chúa, Thiên Chúa của các người» (Lv 19,31).

Thông thường cử tọa *tham dự buổi họp triệu hồn là có tội*, cả khi chúng ta hiện diện cách thụ động. Bởi lẽ, việc tham dự nhằm phản đối sự thần thông với hồn cũng có thể bao hàm việc cổ vũ cho những thực hành triệu hồn. Các tổ chức triệu hồn thường tạo thành một giáo phái lạc giáo và chúng có thể tuyên xưng những giáo lý trái ngược với mạc khải Thiên Chúa.

Tuy nhiên, hiện diện một hoặc hai lần để *nhằm thỏa mãn tính hiếu kỳ mà không gây nguy hại cho việc bóp méo đức tin, không thể cho là tội nặng*¹²⁴. Nếu nhà khoa học hiện diện để nghiên cứu hiện tượng triệu hồn này, ông ta không có tội, miễn là không dùng những phương tiện vô luân hay bị cấm là được.

Với các linh hồn bên kia thế giới, Giáo hội tin vào tín điều các thánh thông công, và chúng ta có thể chuyển giao ân phúc giữa những người còn sống và các linh hồn đã qua đời. *Công đồng Vaticanô II* dạy rằng:

«Sự hợp nhất giữa những người còn lữ hành với các anh em đã yên nghỉ trong bình an của Đức Kitô không hề bị gián đoạn, trái lại, Giáo hội xưa nay luôn tin rằng sự hợp nhất đó còn được củng cố nhờ việc thông truyền cho nhau những ân phúc thiêng liêng»¹²⁵.

2.4. ĐỊNH HƯỚNG MỤC VỤ

Trong thần học và đặc biệt trong việc chăm sóc mục vụ, điều quan trọng trong việc giải quyết vấn đề mê tín, đầu tiên là *học hỏi khoa nhân văn* để đưa ra những thuật ngữ có nghĩa rộng để hiểu rõ nó và để ý đến những hình thức loạn chức năng thần kinh, hành động đam mê và thần thoại học nguyên thủy.

Cần phân biệt giữa những hình thức mê tín và những hình thức được chấp nhận trong nền văn hóa. Nhiệm vụ của người mục tử là cần tìm thấy những phương pháp thích hợp để giải quyết với những người mê tín cả về cá nhân và nhóm.

Cần có sự trợ giúp từ phía giáo dục xã hội và những cơ quan truyền thông xã hội. Lựa chọn tốt nhất là phối hợp giảng dạy lý thuyết kết hợp với khoa sư phạm.

Trong việc chăm sóc cho từng cá nhân, người mục tử cần phải học biết khám phá về mối lo lắng cơ bản của người khác, rồi giúp họ mang những ưu tư đó trình bày ra bên ngoài. Bằng cách này, người mục tử có thể chuẩn bị một lộ trình thỏa đáng. Việc tôn thờ hiện đại (*ví dụ tôn thờ Satan*) diễn tả một vấn đề thực tế hiện nay. Rất tiếc là tâm lý học tôn giáo đã không có nhiều công trình nghiên cứu sâu sắc về chúng.

Trong vấn đề giải quyết mục vụ về việc mê tín, người hướng dẫn tinh thần cần phải nói sự thật, giảng dạy sự thật và làm chứng cho sự thật. Trong bất cứ trường hợp nào cũng cần quan tâm đến các hình thức chung của mê tín, chúng ta cần nhận ra mối liên kết giữa mê tín và tình trạng xã hội và từng bước thay đổi nó.

¹²⁴ Cfr. ALPHONSUS VAN KOL, *Theologia Moralis*, vol. I, Barcinone, Herder 1968, 334.

¹²⁵ LG 49.

Người lãnh đạo tinh thần không nên chỉ thỏa mãn bằng cách vạch ra những tội lỗi của người mê tín, nhưng còn cần hướng dẫn và minh giải cho những người đang dần bước vào các hình thức mê tín.

Mặt khác, ngài không nên bêu xấu cách giữ đạo nông cạn và hời hợt của các tín hữu đang thực hiện việc mê tín.

Hơn nữa, ngài cũng cần từng bước cố gắng phá hủy tận gốc rễ các thực hành tôn giáo mà dường như đối với ngài thiếu ý nghĩa tôn giáo và thiếu nền tảng đức tin và luân lý.

Người mục tử khôn ngoan sẽ tìm kiếm và làm mới lại tất cả những gì đúng và nâng nó lên, chỉ nên phá hủy những gì nguy hại cho một tôn giáo đích thực¹²⁶.

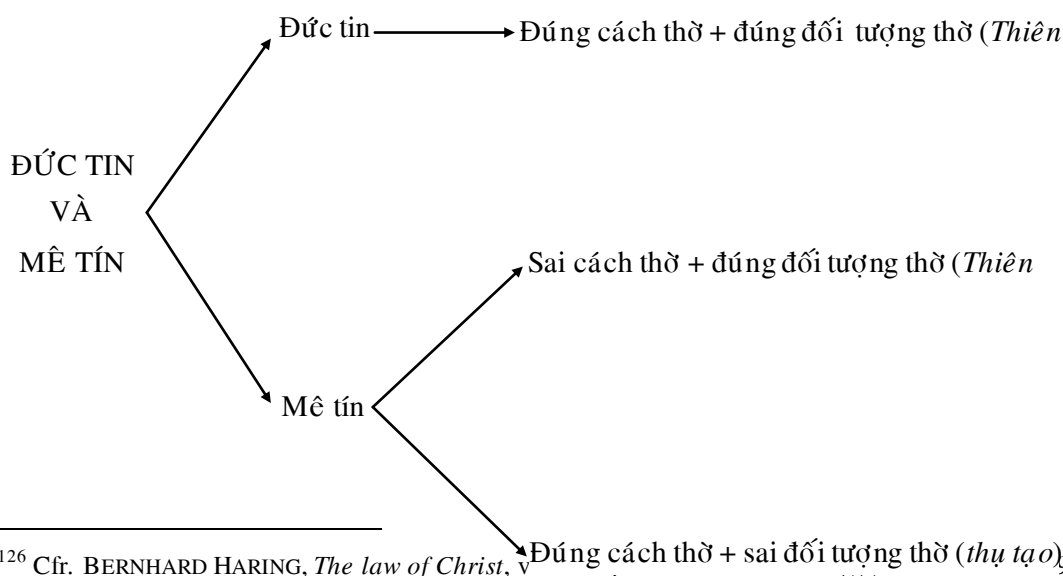
3. MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐỨC TIN VÀ MÊ TÍN

Giữa đức tin và mê tín có quan hệ khăng khít với nhau. Sách *Giáo lý Hội thánh Công giáo* định nghĩa về mê tín là: «*mê tín là lệch lạc trong tâm tình tôn giáo và trong cách thể hiện tâm tình này*»¹²⁷. Định nghĩa này có hai phần: lệch lạc «*trong tâm tình tôn giáo*» và lệch lạc «*trong cách thể hiện tâm tình này*». Lệch lạc «*trong tâm tình tôn giáo*» nghĩa là lệch lạc trong nội dung hay đối tượng tôn thờ, và lệch «*trong cách thể hiện tâm tình này*», nghĩa là lệch lạc trong cách tôn thờ. Nói cách khác, đức tin là thực hiện đúng «*tâm tình tôn giáo*» và «*cách thể hiện tâm tình này*», còn mê tín là lệch lạc một trong hai cách này.

Như vậy, mối quan hệ giữa đức tin và mê tín được trình bày trong đối tượng thờ và cách thờ phượng. Trong việc thờ phượng, nếu người ta thờ đúng cách và đúng đối tượng thờ (*Thiên Chúa*) là người ta biểu hiện đức tin. Ngược lại, nếu tôn thờ sai, người ta rơi vào mê tín.

Tôn thờ sai hay mê tín được thể hiện bởi một trong hai yếu tố: sai cách thờ hoặc sai đối tượng thờ. Nếu sai cách thờ, người ta rơi vào tôn thờ Thiên Chúa sai cách, còn nếu sai đối tượng thờ, tức là không thờ Thiên Chúa, thì người ta rơi vào việc tôn thờ các thụ tạo.

Để kết luận, chúng ta có thể tóm tắt mối quan hệ giữa đức tin và mê tín bằng sơ đồ sau:



¹²⁶ Cfr. BERNHARD HARING, *The law of Christ*, v. 1, 963, 220.

¹²⁷ GLCG 2111.

THƯ MỤC

1. TÀI LIỆU GIÁO PHỤ VÀ GIÁO HỘI

AUGUSTINÔ, *De Præd Sanct* 14,27: PL 44,980.

BỘ GIÁO LÝ ĐỨC TIN, Tuyên ngôn *Mysterium Ecclesiae* (24/06/1973): AAS 65 (1973)396-408.

—————, *Fede cristiana e demonologia* (26/06/1975).

BỘ THÁNH VỤ, *De abusu magnetismi* (04/08/1856): DZ 2823-2825;

—————, trả lời ngày 24/04/1917: DZ 3642.

—————, *68 proposizioni condannate* (28/08/1687): DZ 2201-2269.

BỘ XÁ GIẢI, *Tuyên bố* ngày 01/02/1882.

CÔNG ĐỒNG ÊPHÊSÔ, *L'incarnazione del Figlio di Dio* (431): DZ 250-251.

CÔNG ĐỒNG LATRAN V, *Bolla Apostolici regiminis*; DZ 1440-1441.

CÔNG ĐỒNG TRENTÔ, *Canon sul sacramento delle penitenza*: DZ 1701-1715.

CÔNG ĐỒNG VATICANÔ II, Hiến chế *Sacrosanctum Concilium* (04/12/1963) (*Bản dịch của Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam*).

—————, Hiến chế *Lumen Gentium* (21/11/1964) (*Bản dịch của Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam*).

—————, Tuyên ngôn *Nostra Ætate* (28/10/1965) (*Bản dịch của Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam*).

—————, Hiến chế *Dei Verbum* (18/11/1965) (*Bản dịch của Ủy ban Giáo lý Đức tin trực thuộc Hội đồng Giám mục Việt Nam*).

CÔNG ĐỒNG VIENNE, *Costituzione Fidei catholicae*: DZ 900-904.

Giáo lý Hội thánh Công giáo, Nhà Xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1997.

Giáo luật 1983, Nhà Xuất bản Tôn Giáo – Hà Nội 2006 (*Bản dịch của Hội đồng Giám mục Việt Nam*).

GIOAN PHAOLÔ II, Thông điệp *Fides et Ratio* (14/09/1998): AAS 91 (1999) 5-88.

—————, *Discorso ai giovani a Cassino* (20/09/1980).

—————, Bài giảng tại *Mass in the Sanctuary of Our Lady of the Rosary* (13/05/1982).

HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC MIỀN NAM VIỆT NAM, *Quyết nghị về lễ nghi tôn kính ông bà tổ tiên* (14/11/1974).

INNÔCENTÔ XI, *Costituzione Caelestis Pastor* (20/11/1687): DZ 2201-2269.

Kinh thánh trọn bộ Cựu ước và Tân ước, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh 1988 (*Bản dịch của nhóm Giờ Kinh Phụng Vụ*).

LÊÔ XIII, *Costituzione Apostolica Officiorum ac munerum* (25/01/1897).

ORIGÈNE, *Odeis* 2,40.

PIÔ IX, Tông hiến *Ineffabilis Deus* (08/12/1854): DZ 2800-2804.

PIÔ X, *Il Catechismo Maggiore* (14/06/1905).

PIÔ XII, Tông hiến *Munificentissimus Deus* (01/11/1950): DZ 3900-3904.
Sinodo di Constantinopoli, «Anatematismi contro Origene»: DZ 403-411.
SISTÔ V, Bulle «Coeli et terrae Creator» (05/01/1586): *Bullarium Romanum* 44, Romae 1747, 176-179.
THÁNH BỘ TRUYỀN GIÁO, Huấn thị *Plane Compertum Est* (08/12/1939): AAS 32 (1940) 24-26.

2. SÁCH THAM KHẢO

Acta Congressus Internationalis de theologia Concillii Vaticani II, Romae 1966.
AIMÉ GEORGES MARTIMOT, *The Church at prayer. Introduction to the Liturgy*, Shannon 1968.
ALPHONSUS VAN KOL, *Theologia Moralis*, vol. I, Barcinone, Herder 1968.
ANSELM GUNTHOR, *Chiamata e risposta*, vol. II: Morale speciale: le relazioni del cristiano verso Dio, Edizione Paoline 1975.
BAN TỬ VỤNG CÔNG GIÁO, THUỘC ỦY BAN GIÁO LÝ ĐỨC TIN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM, «Đức tin»: *Từ điển Công giáo 500 mục từ*, Nhà xuất bản Tôn giáo 2011¹.
BERNHARD HARING, *The law of Christ*, vol. II: Special Moral Theology, Mercier Press 1963.
—————, *Le legge di Cristo*, vol. II: Morale speciale: vita in comunione con Dio e col prossimo, Brescia Morcelliana Editrice 1972.
CASS KUCHAREK, *To settle your conscience*, Huntington 1974.
DENZINGER HEINRICH, *Enchiridion Symbolorum. Definitionum et declarationum de rebus fidei et morum*, Edizioni Dehoniane Bologna – EDB 2009^{40a}.
GUSTAVE THILS, *Christian Holiness*, Allahabad 1963.
JOHN A. MCHUGH AND CHARLES J. CALLEN, *Moral Theology*, vol. I, London 1958.
KARL H. PESCHKE (SVD), *Etica cristiana. Teologia morale alla luce del Vaticano II*, vol. II: Teologia morale speciale, Pontificia Università Urbaniana, Roma 1985.
MIGNE J.P., *Patrologiae cursus completus...* Series latina, Parigi 1844-1864.
New Catholic Encyclopedia, vol. XIII (1912).
PIETRO PARENTE, *Theologia fundamentalis*, Marietti 1955.
THOMAS PAZHAYAMPALLIL (SDB), *Pastoral Guide*, Vol. I: Fundamental moral theology and virtues, Rekha Printers Private Limited, New Delhi 2004⁴.
—————, *Pastoral Guide*, vol. II: Sacraments and Bioethics, Rekha Printers Private Limited, New Delhi 2004⁴.
THOMAS D'AQUINO, *Summa theologiae*, II-II.
VINH SƠN NGUYỄN THẾ THỦ, *Cẩm nang các nghi thức Bí tích và Á Bí tích*, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 01 năm 2003.
WILLIAM CONWAY, *Problems in Canon law*, Dublin 1960.
WOLFGANG BEINERT AND FRANCIS SCHUSSLER FIORENZA, *Handbook of Catholic Theology*, The Crossroad Publishing Company, New York 2000.
ZALBA MARCELLINUS (S.J.), *Theologiae Moralis Compendium*, Vol. I. Theologia Moralis Fundamentalis. Tractatus de Virtutibus Moraliibus (De mandatis Die et Ecclesiae) 1958.

3. BÁO CHÍ

Acta Apostolicae Sedis. Commentarium Officiale.

Bullarium Romanum 44, Rome 1747.

————— 61, Rome 1758.

Communio XIV (1987).

Gregorianum 70 (1989).

L'Osservatore Romano.

Periodica 30 (1999).

————— 85 (1966) .

Sacramentum Mundi, vol. VIII (1977).

Science today (11/1969).

Secretariatus pro non-Christianis Bullenetin 69 (1988).

The Examiner (18/10/1975).

The new leader (14/01/1979).

4. INTERNET

www.it.wikisource.org/wiki/Catechismo_Maggiore/Catechismo/Parte_terza/Dei_comandamenti_che_riguardano_Dio

www.piercedhearts.org/ hearts_jesus_mary/apparitions/fatima/homily_jpii_may_13_1982.html

www.ubmvgiadinh.org/?open=contents&display=2&id=1440 (20/10/2011)

www.vatican.va/holy_father/john_paul_ii/speeches/1980/september/documents/hf_jp-ii_spe_19800920_giovani-cassino_it.html

www.vatican.va/roman_curia/congregations/cfaith/documents/rc_con_cfaith_doc_19750626_federiciana-demonologia_it.html

Bà Rịa, ngày 05 tháng 03 năm 2013

Lm. Phêrô Trần Quốc Dũng